



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á



Tổ hợp nhà máy tại KCN Sóng Thần

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

📍 Số 5, đường số 5, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

☎ 0274 373 2575

☎ 0274 379 0420

✉ info@tondonga.com.vn

🌐 www.tondonga.com.vn



“ Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao khi chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường theo tinh thần của slogan cùng xây cuộc sống xanh ”

MỤC LỤC

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị 6

Phần I: Tổng quan 8

1. Thông tin khái quát 10
2. Quá trình hình thành và phát triển 12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 16
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 20
5. Định hướng phát triển 24
6. Các rủi ro 26
7. Dấu ấn 2021 30

Phần II: Tình hình hoạt động trong năm 32

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 34
2. Tổ chức và nhân sự 36
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án 38
4. Các công ty con & công ty liên doanh, liên kết 40
5. Tình hình tài chính 45
6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 46
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 48

Phần III: Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc 54

1. Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2021 56
2. Những nét nổi bật trong kết quả HĐSXKD 56
3. Tình hình tài chính 58
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 60

Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị 62

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty 64
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Hoạt động của Ban Tổng giám đốc 66
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 67

Phần V: Quản trị công ty 68

1. Sơ lược thành phần Hội đồng quản trị 70
2. Sơ lược thành phần Ban kiểm soát 76
3. Các giao dịch, thù lao & các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 78
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty 79

Phần VI: Báo cáo phát triển bền vững 80

1. Định hướng phát triển bền vững 82
2. Môi trường 84
3. Người lao động 88
4. Xã hội 89

Phần VII: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 90



Thông điệp chủ tịch Hội đồng quản trị



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Trung

Kính thưa quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2021 là năm đặc biệt thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam chúng ta nói riêng. Năm thứ hai đại dịch Covid-19 hoành hành với các biến chủng mới khiến số ca bệnh tăng cao kỷ lục và đặt nhiều địa phương rơi vào tình trạng giãn cách xã hội. Các ngành sản xuất và đặc biệt là ngành sản xuất thép mạ lâm vào tình trạng khó khăn do đứt gãy nguồn cung nguyên liệu đầu vào trong khi năng lực sản xuất bị ảnh hưởng do dịch bệnh và chi phí vận chuyển trong nước, chi phí vận tải tàu biển tăng cao. Bên cạnh đó, áp lực về lạm phát tăng cao ngày một rõ rệt và tác động lên các khoản chi phí hoạt động, vốn đã bị đội lên do phải ứng phó với dịch bệnh. Trong muôn vàn khó khăn và trở ngại, điểm sáng nhất đối với Tôn Đông Á là một năm vô cùng rực rỡ đối với thị trường thép nhờ vào xuất khẩu.

Ngành thép trong năm 2021 có thể nói được hưởng lợi rất nhiều và với vị thế là một trong một vài doanh nghiệp dẫn đầu trong thị phần tôn mạ, Tôn Đông Á không phải là ngoại lệ. Giá thép tăng cao từ đầu năm có thể nói là động lực quan trọng

nhất giúp doanh thu gần như toàn ngành tăng đột biến khi mà sản lượng sản xuất thép thành phẩm tăng đến 19%, theo Hiệp hội thép Việt Nam (VSA). Nhu cầu đầu tư công tăng mạnh nhằm thúc đẩy kinh tế, nhu cầu xuất khẩu tăng cao từ Mỹ và châu Âu cũng như việc nhà máy sản xuất thép Trung Quốc có những chính sách mới để hạ nguồn cung thép nhằm giảm tải carbon đã góp phần cân bằng cung cầu. Cũng theo báo cáo của VSA và Tổng cục Hải quan, Trong khoảng 3 quý đầu tiên, Tôn Đông Á chiếm đến 16% thị phần tôn mạ trong nước và 8% thị phần tôn mạ xuất khẩu. Có thể nói đây vẫn là một con số khiêm tốn nhưng là kết quả cho nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn bộ tập thể Tôn Đông Á trong năm 2021 vừa qua.

Năm 2021 là một năm vô cùng đặc biệt đối với Tôn Đông Á. Trong quý III khi tình trạng sản xuất kinh doanh bị đình trệ do công nhân, người lao động phải nghỉ bệnh và để Tôn Đông Á có thể duy trì sản xuất 3 tại chỗ là sự nỗ lực lớn để vượt qua khó khăn. Với sự đồng lòng, quyết tâm cũng như đưa ra những quyết sách quyết liệt, hợp lý, Tôn Đông Á đã “về đích” với một

kết quả mà chúng tôi tự hào là vô cùng ấn tượng. Doanh thu thuần năm 2021 của Tôn Đông Á đạt hơn 25 nghìn tỷ, tăng gấp đôi so với 2020 trong khi lợi nhuận sau thuế chạm mốc hơn 1.200 tỷ, gấp hơn 4 lần so với 2020. Đặc biệt sản lượng xuất khẩu đạt gần 500.000 tấn, tăng gấp 2.5 lần so với 2020. Đây đều là những trái ngọt mà đội ngũ Tôn Đông Á đã cùng nhau đạt được bất chấp rất nhiều khó khăn trong năm vừa qua.

Bên cạnh đó, không để cho dịch bệnh làm chùn bước, Tôn Đông Á vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động, sự kiện trong và ngoài Công ty. Tôn Đông Á chung tay cùng với cộng đồng trong cuộc chiến chống lại Đại dịch Covid-19, trao tặng hơn 2 tỷ đồng cho Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ủy ban MTTQ Quận Phú Nhuận, Trung tâm Hồi sức tích cực người bệnh Covid-19 trực thuộc Bệnh viện Trung ương Huế tại TP HCM nhằm hỗ trợ mua vắc-xin cũng như tài trợ máy móc, thiết bị y tế. Tôn Đông Á cùng HTV cũng đã tổ chức thành công giải đua Xe đạp Cúp Truyền hình TP.HCM - Tôn Đông Á 2021 nhằm lan tỏa những giá trị tốt đẹp.

Hướng tới năm 2022, Tôn Đông Á xác định những khó khăn và thách thức vẫn đang chờ trước mắt, bao gồm việc giá thép và vật liệu xây dựng dần ổn định trong khi bối cảnh kinh tế thế giới chỉ vừa chớm vào giai

đoạn phục hồi đại dịch đã bị ảnh hưởng bởi cuộc xung đột vũ trang tại Ukraine và áp lực lạm phát leo thang. Trong bối cảnh đó, Tôn Đông Á vẫn sẽ theo đuổi những triết lý đã làm nên bề dày lịch sử và uy tín cho Công ty, đi theo tôn chỉ “cùng xây cuộc sống xanh”. Năm 2022 cũng là năm đánh dấu cột mốc lịch sử khi Tôn Đông Á sẽ chính thức đại chúng hóa và niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Bước chuyển mình này là sự khẳng định cho tầm vóc và vị thế lâu năm của Tôn Đông Á với tư cách là một trong những doanh nghiệp sản xuất tôn lớn nhất Việt Nam, là đối tác lớn trên thị trường quốc tế. Toàn thể con người Tôn Đông Á ý thức rõ được tầm quan trọng của năm 2022 và chúng tôi quyết tâm hướng đến một năm thành công tiếp theo.

Thay cho lời kết của thông điệp này, tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể đội ngũ ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên vì những cống hiến, nỗ lực không ngừng nghỉ trong năm 2021 đầy gian nan vừa qua, và lời cảm ơn dành cho sự tin tưởng, ủng hộ, đồng hành của các Quý cổ đông, đối tác và khách hàng của Tôn Đông Á.

Kính chúc quý vị tràn đầy sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Thay mặt ban lãnh đạo Tôn Đông Á
Chủ tịch Hội đồng quản trị**



Nguyễn Thanh Trung

TONDONGA

PHẦN I

Tổng quan

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

DẤU ẤN 2021

THÔNG TIN KHÁI QUÁT TÔN ĐÔNG Á

Tên Công ty

Tên viết tắt

Tên tiếng Anh

Giấy phép đăng ký kinh doanh

Vốn điều lệ

Trụ sở chính

Điện thoại

Fax

Email

Website

Logo

Mệnh giá cổ phần

Tổng số cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

TDA CORP

TON DONG A CORPORATION

Số **3700255880** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 08/04/2022

1.146.915.100.000 đồng (Một ngàn một trăm bốn mươi sáu tỷ, chín trăm mười lăm triệu, một trăm ngàn đồng).

Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

02743732575

02743790420

info@tondonga.com.vn

www.tondonga.com.vn



TON DONG A

10.000 đồng

114.691.510 cổ phiếu

✓ TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất thép lá mạ chất lượng cao, có uy tín trong nước và trên thế giới

✓ SỨ MỆNH

- ▶ Đầu tư thiết bị, dây chuyền hiện đại và thân thiện với môi trường nhằm sản xuất các sản phẩm thép lá mạ có chất lượng cao bảo đảm sự bền vững và tính thẩm mỹ của các công trình.
- ▶ Tổ chức hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm có giá cả cạnh tranh với các dịch vụ hậu mãi tốt.

✓ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Mỗi nhân viên của Tôn Đông Á luôn phấn đấu để đạt và duy trì các phẩm chất:
- ▶ Gắn kết để phối hợp đồng bộ trong mọi hoạt động nhằm thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.
 - ▶ Kỷ luật trong sản xuất, kinh doanh nhằm xây dựng và phát triển thành một công ty đạt chuẩn mực quốc tế.
 - ▶ Chuyên nghiệp để tạo ra các sản phẩm thép lá mạ chất lượng cao nhất.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

05/11/1998

Công ty TNHH Đông Á được thành lập, trụ sở đặt tại Lô E, KCN Sóng Thần, Dĩ An, Bình Dương

09/2004

Công ty đầu tư dự án dây chuyền sản xuất tôn mạ kẽm dạng cuộn công suất 40.000 tấn/năm

06/2005

Công ty TNHH Đông Á đổi tên thành Công ty TNHH Tôn Đông Á. Thương hiệu **Tôn Đông Á** chính thức ra đời

2006

Dây chuyền mạ màu CM1 đi vào hoạt động sản phẩm mạ màu đầu tiên của Tôn Đông Á được giới thiệu ra thị trường

2008

Dây chuyền mạ màu thứ hai (CM2) được đầu tư bằng thiết bị trong nước và công nghệ Hàn Quốc cải tiến cơ sở CM1, công suất 40.000 tấn/năm

2009

Công ty TNHH Tôn Đông Á chuyển hướng sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

2010

Tôn Đông Á đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất tôn mạ nhôm kẽm (tôn lạnh) với công suất 100.000 tấn/năm

Đồng thời triển khai thực hiện dự án nhà máy Tôn Đông Á tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với quy mô diện tích 16 hecta

2011

Đưa dây chuyền mạ màu số 3 (CM3) vào vận hành, góp phần nâng tổng sản lượng sản phẩm mạ màu của công ty Tôn Đông Á lên 120.000 tấn/năm và tổng công suất thiết bị sản xuất các sản phẩm mạ của công ty lên trên 300.000 tấn/năm

06/12/2012

Đầu tư dự án ERP (phần mềm quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp) trị giá 1 triệu USD

21/03/2013

Khởi công xây dựng nhà máy thứ 2 với công suất 800.000 tấn/năm tại Lô A3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

05/06/2013

Khai trương văn phòng đại diện mới tại TP.HCM

2017

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh đi vào hoạt động tại địa chỉ Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường số 05, VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

22/06/2017

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An (huyện Bến Lức, tỉnh Long An) với tổng diện tích gần 20.000 m2 đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động

26/06/2017

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng chính thức dời về địa chỉ mới Lô E2, đường số 07, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, diện tích 2 hecta

23/11/2017

Khởi công lễ động thổ Kho trung chuyển của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á và Trụ sở Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương tại KCN Sóng Thần 3

2018

Giai đoạn 2 nhà máy TDA.TDM hoàn thành và nhanh chóng đưa vào vận hành toàn bộ công suất của TDA, đạt công suất 800.000 tấn/năm trước cuối năm

Tự hào đưa vào dây chuyền màu CM4 hiện đại nhất Đông Nam Á

2019

Cho ra đời một bộ nhãn hàng mới - tiêu chuẩn cao KING/WIN/S VIET, xây dựng hình ảnh đồng bộ với chất lượng sản phẩm của Tôn Đông Á

27/07/2020

Phòng thí nghiệm Tôn Đông Á được đơn vị BoA công nhận là Phòng thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu và năng lực thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với mã VILAS 1321

31/08/2020

Thành lập văn phòng đại diện mới Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại thành phố Quy Nhơn, Bình Định

18/11/2020

Khởi công dự án nhà máy sản xuất ống tại KCN Hòa Khánh - Đà Nẵng với tổng quy mô 20.00 m2, công suất 70.000 tấn/năm, tổng mức vốn đầu tư dự án 150 tỷ đồng

18/03/2022

Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng sau khi IPO thành công 15.350.000 cổ phiếu

CÁC GIẢI THƯỞNG, THÀNH TÍCH CỦA TÔN ĐÔNG Á



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ - Công ty Cổ phần Tôn Đông Á
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ - Cá nhân ông Nguyễn Thanh Trung,
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA - Công ty Cổ phần Tôn Đông Á
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA - Cá nhân ông Nguyễn Thanh Trung, Chủ
 tịch Hội đồng quản trị



GIẢI VÀNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM



TOP 50 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG XUẤT SẮC
TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM



TOP 5 CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG UY TÍN



HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



GIẢI NHẤT CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép mạ kẽm (tôn kẽm), thép mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh) và thép mạ mả/mạ nhôm kẽm phủ sơn (tôn màu) trong đó sản phẩm chủ lực là tôn lạnh, tôn màu



Tôn Đông Á kinh doanh dòng sản phẩm **Tôn lạnh - Tôn màu** với các nhãn hàng KING/WIN/S VIET đạt tiêu chuẩn JIS (Nhật Bản), BSEN (Châu Âu), AS (Úc), ASTM (Mỹ)



Tôn kẽm (Hot-dip zinc coated steel sheet in coil - GI), còn được gọi là thép mạ kẽm, là thép cán nguội được mạ kẽm. Tôn kẽm có khả năng chống ăn mòn cao trong môi trường tự nhiên. Tôn kẽm thường được dùng cho ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (xà gỗ mái, xà gỗ vách, tấm lót sàn, tấm lợp, vách ngăn, ống thông gió, nguyên liệu làm ống hộp) và ứng dụng trong ngành thiết bị gia dụng



Tôn lạnh hay thép mạ nhôm kẽm (galvalume - GL) là thép cán nguội được mạ hợp kim nhôm kẽm với thành phần 55% Al, 43.5% Zn và 1.5% Si. . Tôn lạnh có khả năng chống ăn mòn cao, phản xạ nhiệt tốt và có tuổi thọ cao, thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) hay điện công nghiệp (như nhà, vỏ bọc của các thiết bị điện...) và trang trí nội thất

Tôn màu là các sản phẩm tôn được phủ sơn như: Tôn đen màu (pre-painted cold rolled coil - PPCR), tôn kẽm màu (pre-painted galvanized - PPGI) và tôn lạnh màu (pre-painted galvalume - PPGL). Nguyên liệu đầu vào sau quá trình tẩy rửa sẽ được phủ một lớp phụ gia giúp làm tăng độ bám dính, sau đó phủ một lớp sơn lót trước khi sơn chính thức và sấy khô. Lớp sơn giúp cho tôn tăng khả năng chống chịu với môi trường, tạo tính thẩm mỹ. Tôn lạnh màu thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng, dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) và trang trí nội thất



Thép hộp mạ kẽm Tôn Đông Á là thép cán nguội được sử dụng công nghệ mạ kẽm với thành phần 99% Zn, sau đó sẽ được cán thành thép hộp mạ kẽm. Thép hộp mạ kẽm có bề mặt sáng bóng, bền hơn từ 4-5 lần ống thép đen. Tôn Đông Á hiện đang sản xuất thép hộp mạ kẽm ở 2 nhà máy đặt tại: tỉnh Long An và thành phố Đà Nẵng

Thép cán nguội/tôn đen (cold rolled coil - CRC) là thép cacbon thấp được sử dụng làm bán thành phẩm để sản xuất sản phẩm tôn kẽm, tôn lạnh hay tôn đen màu.



Dòng sản phẩm KINGALUZIN



Dòng sản phẩm KINGCOLOR



Dòng sản phẩm KINGMAX



Dòng sản phẩm S VIET ALUZIN



Dòng sản phẩm S VIET COLOR



Dòng sản phẩm WIN ALUZIN

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tôn Đông Á có hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Hệ thống phân phối trong nước của Tôn Đông Á trải dài từ Nam ra Bắc với hơn **1.600** đại lý phân phối các sản phẩm. Khu vực từ Cà Mau ra tới Bình Định là thị trường trọng điểm được phân phối bởi Văn Phòng Đại diện Tôn Đông Á tại TP. Hồ Chí Minh và Bình Định. Miền Trung có Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng và khu vực phía Bắc có Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh đảm nhiệm.

Hệ thống phân phối của Tôn Đông Á hiện được chia thành bốn kênh bao gồm:

+ **Kênh Cắt cán** (khách hàng C1): Những Khách hàng giao dịch mua bán trực tiếp với Tôn Đông Á.

+ **Kênh Thương mại**: Hiện Tôn Đông Á có 05 Nhà phân phối lớn, các Nhà phân phối sẽ phân phối sản phẩm Tôn Đông Á đến với Khách hàng là những

Nhà máy cắt cán

+ **Kênh Chuyên ngành** (Công trình - Kẽm - Khung trần)

+ **Nhóm các sản phẩm khác** (Hàng loại 3 - 9, Thép hộp...)

Ngoài ra, Tôn Đông Á là công ty tiên phong trong việc cung ứng các sản phẩm chất lượng cao trên **50 quốc gia** như Asean, Úc, Trung Đông, Châu Phi, Nhật Bản và Mỹ. Thế mạnh xuất khẩu của Tôn Đông Á tập trung vào dòng hàng chủ lực là GL và PPGL và đang dần mở rộng vị thế qua GI và PPGI trong thời gian ngắn sắp tới

Tôn Đông Á bảo đảm chất lượng hàng hóa, chính sách bán hàng ổn định cũng như hỗ trợ các nhà phân phối làm bảng hiệu, chứng nhận đại lý, treo poster, gửi POSM

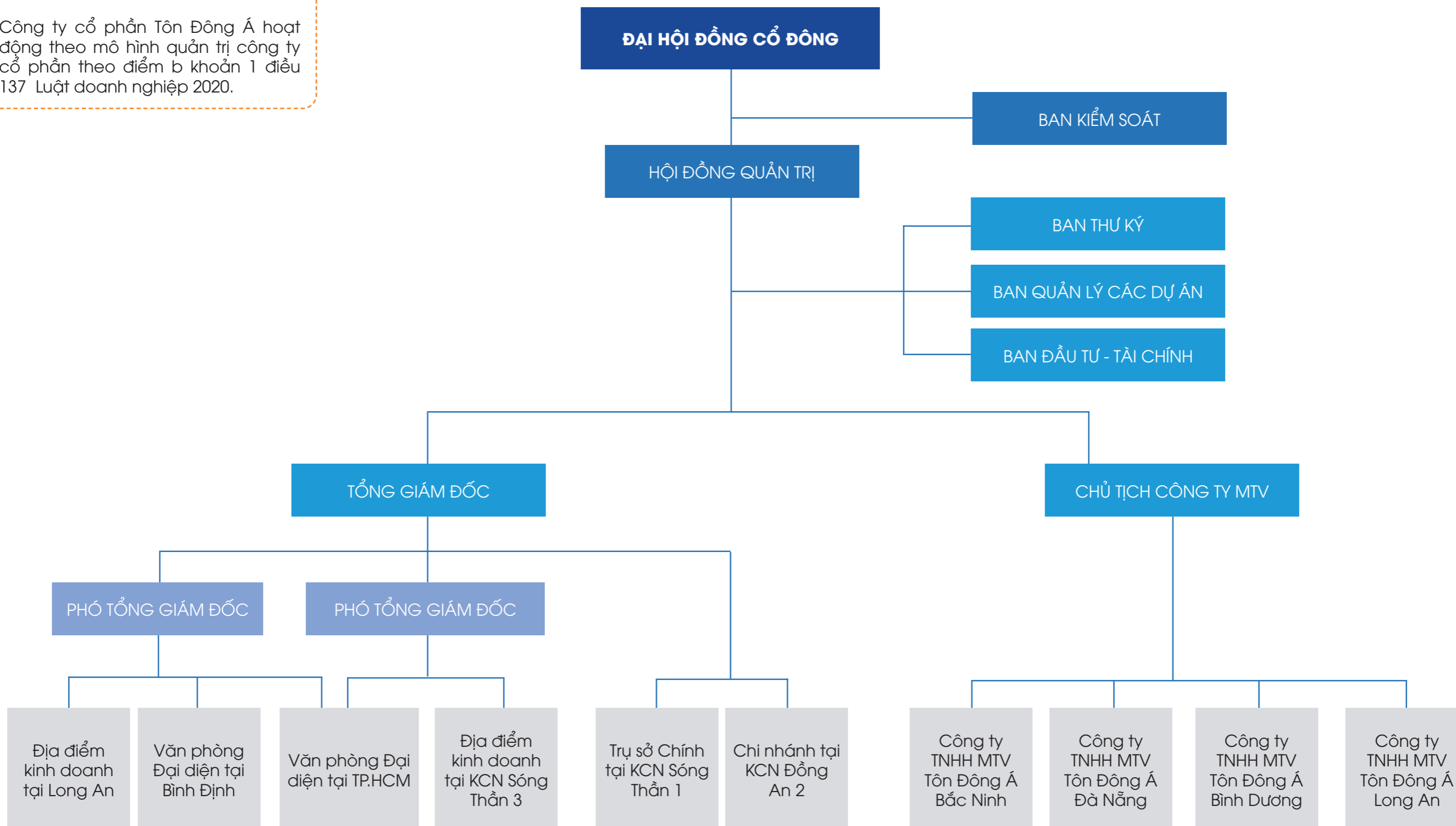
Khách hàng của Tôn Đông Á đang tăng lên về số lượng và chất lượng, độ phủ cũng như mức cam kết với thương hiệu



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

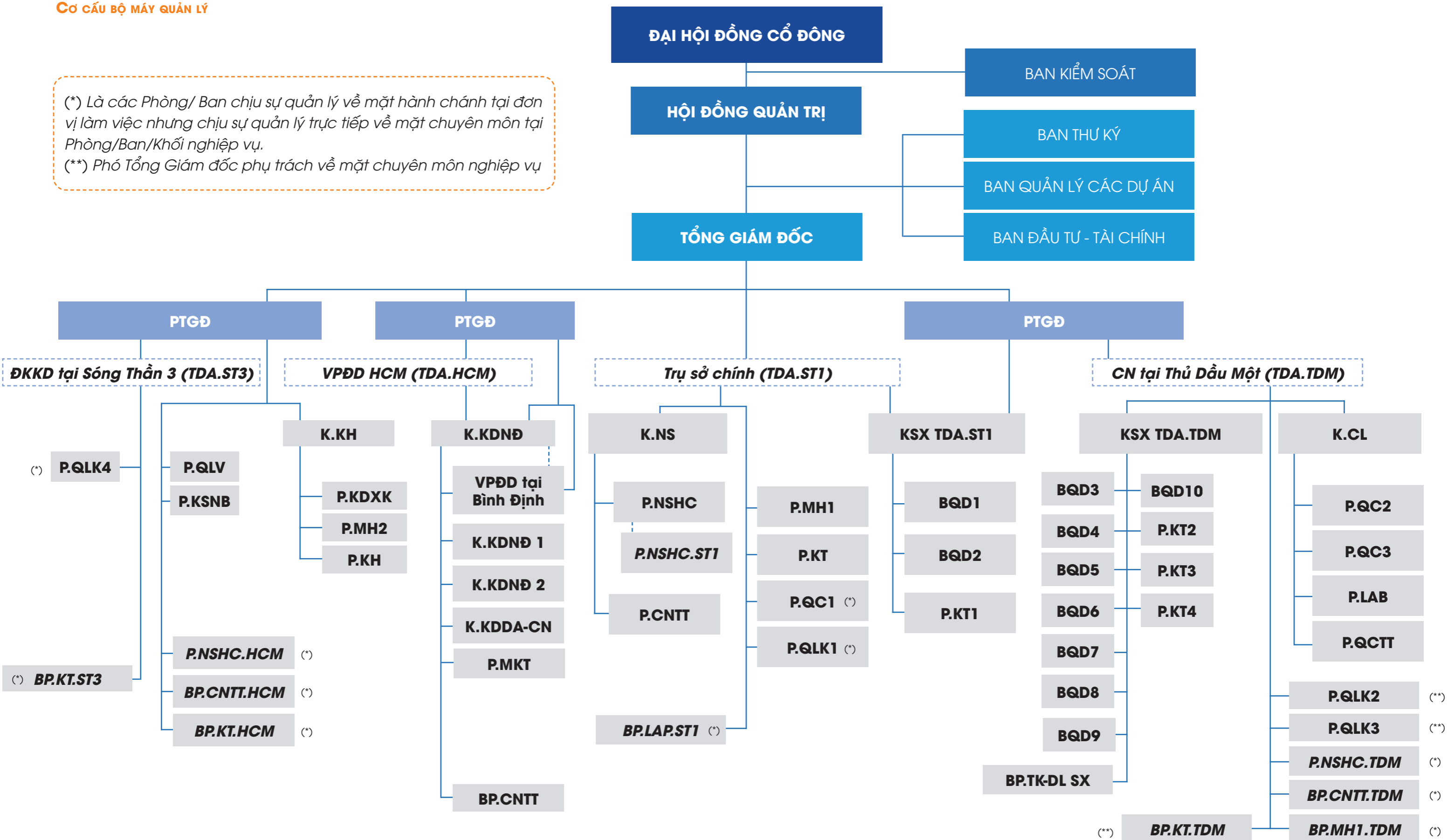
Công ty cổ phần Tôn Đông Á hoạt động theo mô hình quản trị công ty cổ phần theo điểm b khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp 2020.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

(*) Là các Phòng/ Ban chịu sự quản lý về mặt hành chính tại đơn vị làm việc nhưng chịu sự quản lý trực tiếp về mặt chuyên môn tại Phòng/Ban/Khối nghiệp vụ.
 (**) Phó Tổng Giám đốc phụ trách về mặt chuyên môn nghiệp vụ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển của Tôn Đông Á là phát triển bền vững, chú trọng vào chất lượng và uy tín thương hiệu:

Tôn Đông Á đặt ra chiến lược trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm thép lá mạ. Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao khi chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường. Tôn Đông Á hiểu rằng mỗi sản phẩm của Công ty sẽ là nền tảng cơ bản nhất cho mỗi công trình và những giá trị mà Tôn Đông Á muốn đem lại luôn đi theo tinh thần của slogan “Cùng xây cuộc sống xanh”.

Để có thể trở thành doanh nghiệp sản xuất thép lá mạ hàng đầu, việc chủ động kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào là rất quan trọng. Vì vậy, Tôn Đông Á tập trung đầu tư phát triển nguyên liệu đầu nguồn, chủ động kiểm soát được sản lượng đầu vào và ra nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, Tôn Đông Á cũng đặt ra chiến lược mở rộng các sản phẩm thép lá mạ ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, thiết bị gia dụng, công nghiệp, giao thông vận tải, vươn tới những thị trường mới và đáp ứng nhiều hơn những nhu cầu của khách hàng.

Giá trị cốt lõi của mọi doanh nghiệp thành công phải đến từ văn hóa doanh nghiệp và nguồn nhân lực. Thiếu hiểu

triết lý đó, Tôn Đông Á xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn, minh bạch, gìn giữ uy tín, kích thích sự sáng tạo, thúc đẩy học hỏi và tăng trưởng, tích cực tham gia các hoạt động phát triển vì cộng đồng.

Tôn Đông Á đặt ra mục tiêu mở rộng thị trường, vươn tầm ảnh hưởng không chỉ đến thêm các tỉnh thành trong cả

nước mà còn vươn ra xa thị trường quốc tế. Công ty đang tổ chức mở rộng cơ sở sản xuất và tăng cường kinh doanh ra các tỉnh thành trong cả nước bằng các hoạt động mở rộng chi nhánh và tìm kiếm thêm khách hàng tại các địa bàn mới. Cùng với đó, Tôn Đông Á cũng đẩy mạnh xuất khẩu đến các thị trường quốc tế, đặc biệt là chinh phục các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản. Kết quả xuất khẩu ấn tượng trong năm 2021 là minh chứng cho tính đúng đắn của mục tiêu này.

Trong thời gian qua, Tôn Đông Á đã xây dựng hai nhà máy sản xuất thép lá mạ hiện đại ở hai Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 và Đồng An 2. Các sản phẩm đã được chấp nhận bởi các khách hàng trong và ngoài nước khó tính nhất. Tiếp nối với thành công đó, Tôn Đông Á tiếp tục chiến lược đầu tư chiều sâu, phát triển sản lượng sản xuất, công nghệ, và mở rộng danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu cao của các ngành nghề xây dựng, công nghiệp.



CÁC RỦI RO VÀ CÁCH QUẢN TRỊ

A. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự trở lại của Covid-19 ở một số vùng vào cuối tháng 6/2021 đã đặt ra nhiều thách thức trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2021. Làn sóng dịch bệnh do biến chủng mới đã khiến nhiều khu vực kinh tế, dịch vụ bị đình trệ do giãn cách. Điều này đã tác động lớn đến tăng trưởng GDP năm 2021 khi chỉ tăng 2,51% so với năm 2020, mức thấp nhất trong vòng một thập kỷ qua. Áp lực lạm phát gia tăng cùng với tình hình dịch bệnh căng thẳng khiến giai đoạn cuối 2021 thực sự khó khăn

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á chủ động theo sát các diễn biến của dịch bệnh và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới để thường xuyên họp bàn, thảo luận trong nội bộ cũng như có những đối thoại bên ngoài để đưa ra đường lối chiến lược phù hợp nhất trong cả ngắn và dài hạn cho Công ty.

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Để phục vụ cho hoạt

động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ Ngân hàng. Hiện nay vốn vay chiếm 40% tổng tài sản, và dự kiến sẽ có thể sẽ thay đổi dao động quanh con số này khi Công ty có kế hoạch bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh. Đây là cơ cấu vốn khá an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào sẽ được hạn chế

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á duy trì tỉ lệ đòn bẩy ở mức ổn định hiện tại và có các quy tắc riêng tối ưu hóa chi phí vốn khi mặt bằng lãi suất chung biến động lớn. Tôn Đông Á đánh giá trong năm 2022 lãi suất chung sẽ có xu hướng tăng nhưng chưa mạnh và do đó ảnh hưởng đến chi phí vay của Tôn Đông Á sẽ không quá lớn so với 2021.

Rủi ro về tỷ giá: Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có nguồn doanh thu và chi phí đáng kể đến từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á luôn kiểm soát và tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán của các kế hoạch đầu tư, kinh doanh do đó hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Công ty cũng sẽ tính toán đến việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong tương lai nếu

cần thiết bằng các phương pháp hợp đồng phái sinh.

B. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Công ty cổ phần Tôn Đông Á là Công ty cổ phần đã đại chúng hóa, là đối tượng áp dụng và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Đầu tư 2020, các văn bản hướng dẫn dưới luật, các văn bản chuyên ngành khác có liên quan và cả các Hiệp định thương mại tự do, các Công ước Quốc tế. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục thuế. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á thường xuyên cập nhật các thay đổi, bổ

sung, ban hành mới của hệ thống luật pháp Việt Nam và quốc tế. Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động, cán bộ công nhân viên cam kết làm việc trên tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình lao động và sản xuất.

C. RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về giá nguyên vật liệu và thành phẩm: Ngành thép và tôn mạ chịu rủi ro lớn về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, cụ thể là giá thép cuộn cán nóng (HRC) do chi phí nguyên vật liệu này chiếm hơn 80% tổng chi phí đầu vào. Trong năm 2021, giá HRC có xu hướng tăng mạnh 40-90% so với 2020. Biến động tăng mạnh của giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ gây ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của công ty.

Quản trị rủi ro: Với chính sách thu mua nguyên vật liệu đầu vào chỉ khi đã nhận được đơn đặt hàng đầu ra, Tôn Đông Á có thể hạn chế rủi ro về biến động giá HRC đầu vào, do giá thành phẩm bán ra được cố định cùng với thời điểm thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo biên lợi nhuận.

Rủi ro về nguồn cung và cầu Đại dịch COVID đã làm gián đoạn chuỗi giá trị - trong cả hoạt động sản xuất cũng như vận chuyển của hầu hết các ngành sản xuất, trong đó có ngành tôn mạ và thép. Đối với thị trường nội địa hiện tại, chỉ có hai doanh nghiệp có năng lực sản xuất sản phẩm HRC là Hòa Phát và Formosa Hà Tĩnh với tổng

sản lượng mỗi năm dự kiến khoảng 6-8 triệu tấn/năm, chỉ đạt 60-65% tổng tiêu thụ nội địa. Với tỷ lệ nội địa hóa chưa đủ cao, có rủi ro hiện hữu cho các doanh nghiệp tôn với việc nhập khẩu nguyên vật liệu.

Nhu cầu cho ngành tôn và vật liệu xây dựng nói chung chịu ảnh hưởng lớn từ xu hướng kinh tế thế giới. Đặc biệt, các động lực phát triển đến từ nhu cầu tăng trưởng tự thân từ ngành bất động sản cũng như các chính sách của chính phủ, đặc biệt tại những thị trường mới nổi, trong việc đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng. Các công ty trong ngành thép cần kiểm soát tốt rủi ro trong việc đầu tư và kinh doanh tại thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu. Đội ngũ thu mua và bán hàng giàu kinh nghiệm, các mối quan hệ lâu dài và bền vững với các nhà cung ứng và khách hàng, kết hợp với việc hợp tác chiến lược với các ông lớn trong ngành thép thế giới như JFE và Posco giúp Công ty xây dựng chuỗi giá trị bền vững đảm bảo cung cầu ổn định để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh

D. RỦI RO CẠNH TRANH

Đặc thù của ngành tôn là lĩnh vực kinh doanh đã có truyền thống rất lâu trên thị trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh có tầm cỡ. Các doanh nghiệp này cũng đang có kế hoạch triển khai nhiều dự án sản xuất tôn quy mô lớn. Trong trường hợp tổng quy mô công suất trong ngành phát triển nhanh

hơn nhu cầu của thị trường, sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sẽ là một yếu tố quan trọng, có tác động không nhỏ lên hoạt động kinh doanh thép của Công ty.

E. RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, hạ tầng giao thông, thiết bị gia dụng, Công ty đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro.

F. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố... Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng ...



DẤU ẤN TÔN ĐÔNG Á 2021



TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

12.648.114 triệu đồng


DOANH THU THUẦN

25.261.747 triệu đồng


LỢI NHUẬN SAU THUẾ

1.209.808 triệu đồng


ROE

35,13 %


SẢN LƯỢNG

107% kế hoạch


XUẤT KHẨU

500.000 tấn


HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

35,6 tỷ đồng

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2021 | Tăng giảm |
|-----------------------------|-------------------|------------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | Triệu đồng | 12.648.114 | 51,77% |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 25.261.747 | 104,37% |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Triệu đồng | 1.478.823 | 328,71% |
| Lợi nhuận khác | Triệu đồng | 24.672 | 835,96% |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 1.503.496 | 332,55% |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 1.209.808 | 322,92% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Đồng/CP | 10.089 | 273,81% |

Phần II

Tình hình hoạt động trong năm 2021

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

A. TÌNH HÌNH NGÀNH THÉP NĂM 2021

Năm 2021 là một năm giá thép tăng mạnh và nhìn chung các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thép, tôn mạ được hưởng lợi. Giá thép xây dựng và tôn mạ liên tục tăng trong giai đoạn đầu năm và tuy chững lại ở nửa cuối năm nhưng nhìn chung hạ nhiệt không nhiều, chủ yếu giảm do Trung Quốc áp dụng các chính sách bảo vệ môi trường và giảm nhu cầu sản xuất thép. Thị trường tiêu thụ thép Việt Nam cũng diễn biến cùng chiều với giá thép khi nhu cầu tăng mạnh trong 6 tháng đầu nhưng giảm xuống đặc biệt là giai đoạn quý III khi tình hình sản xuất kinh doanh bị gián đoạn bởi dịch bệnh. Tuy nhiên, xuất khẩu thép năm 2021 đạt được những kết quả vô cùng ấn tượng mà chủ đạo là xuất khẩu sang thị trường châu Âu và Mỹ, chạm mốc 1,5 tỷ USD, tăng 250% so với cùng kỳ 2020. Chính sách tự vệ tại 2 thị trường trên khiến giá thép vẫn được neo ở mức cao.

B. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM 2021

Thuận lợi

► Đầu năm 2021 thị trường nội địa đem lại kết quả nhất định với sản lượng rất tốt so với cùng kỳ. Tuy nhiên, đến giữa năm 2021, làn sóng dịch bệnh ảnh hưởng sâu và rộng đến sức tiêu thụ trong nước. Bằng sự linh hoạt trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, TDA chuyển hướng tập trung vào thị trường quốc tế tại giai đoạn này. Kênh xuất khẩu đem lại nhiều thành quả khi nhu cầu và giá thép của các nước liên tục tăng cao, đặc biệt là thị trường Bắc Mỹ và Châu Âu với tỷ suất lợi nhuận rất tốt so với các khu vực khác. Với sự phục hồi trở lại của chuỗi cung ứng, sản lượng xuất khẩu năm 2022 có thể chạm lại so với 2021 nhưng tại một số thị trường và khách hàng truyền thống của Tôn Đông Á thì sản lượng vẫn duy trì ở mức ổn định.

► Đặc biệt là ở thời điểm cuối năm thì bức tranh kinh tế Việt Nam có những điểm sáng tích cực với sự phục hồi mạnh mẽ của nhiều ngành nghề, khiến nhu cầu tiêu thụ tôn mạ tăng trở lại.

Ngoài ra, các chính sách hạn chế và cắt giảm thép của Trung Quốc, song song với các biện pháp xiết chặt quản lý công nghệ - sản xuất của các cường quốc thép sẽ góp phần ủng hộ xuất khẩu của Việt Nam trong dài hạn. Đồng thời sức cầu nội địa cũng sẽ bật tăng trở lại nhờ vào quyết tâm của Chính phủ thúc đẩy tiến độ thi công và giải ngân các dự án công trọng điểm, các dự án bất động sản và đầu tư công nghiệp gia tăng hàng loạt.

Khó khăn

► Đại dịch đã ảnh hưởng mạnh đến chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến giá cả của các loại nguyên vật liệu sản xuất thép biến động rất mạnh và khó lường gây ra nhiều khó khăn cho các nhà sản xuất, đặc biệt là ảnh hưởng mạnh đến tâm lý thị trường.

► Tại thị trường nội địa, giai đoạn Q3/ 2021 là giai đoạn trầm lắng nhất của toàn ngành khi việc tiêm chủng vaccine diện rộng chưa hoàn tất và những biện pháp giãn cách tiếp tục tác động đến phục hồi kinh tế. Nhu cầu tiêu thụ trong nước bị ảnh hưởng khá nhiều, đặc biệt là tại khu vực phía Nam vốn là thị trường chính của Tôn Đông Á.

► Vấn đề an ninh năng lượng và lạm phát cũng là điều cần lưu ý cho toàn thị trường năm 2022, hệ quả là chi phí và giá cả các mặt hàng sẽ tăng cao, nhưng điều này cũng ủng hộ cho ngành tôn thép thiết lập mặt bằng giá và quỹ đạo mới.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021

Năm 2021 là năm đầy biến động với toàn ngành kinh tế nói chung, và ngành tôn mạ nói riêng, nhưng bằng sự kiên định trong định hướng và sự linh hoạt ứng phó với thị trường, Tôn Đông Á đã gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp: Sản lượng sản xuất các mặt hàng đạt 107% so với kế hoạch năm 2021. Doanh thu thuần của Tôn Đông Á trong năm 2021 đạt 25.261.747 triệu đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ 2020 và là một trong số những doanh nghiệp đứng đầu ngành sản xuất tôn thép với doanh thu trên 1 tỷ USD. Đi cùng với đó, Tôn Đông Á cũng đạt 1.209.808 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 323% so với năm 2020 và là minh chứng cho năng lực sản xuất, kiểm soát chi phí thành công của Công ty. Đối với hoạt động xuất khẩu, trong năm 2021 sản lượng xuất khẩu Tôn Đông Á đạt gần 500.000 tấn, tăng gấp 2.5 lần so với 2020, chủ yếu là các thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, trong đó Tôn Đông Á đảm bảo duy trì tôn chỉ sản xuất sản phẩm chất lượng cao, Ổn định chất lượng với hiệu suất sản xuất hàng loạt 1 trên 99%.

Để đạt được những thành quả vô cùng ấn tượng trên, Tôn Đông Á đã đẩy mạnh nhiều chiến lược trọng tâm và thực hiện xuyên suốt trong năm 2021. Công ty củng cố vững chắc hệ thống quản trị và lấy nền tảng đó để quản lý bộ máy sản xuất, kinh doanh trải khắp nhiều tỉnh thành trên cả nước. Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì việc tối ưu hóa chi phí là rất quan trọng và Tôn Đông Á cho rằng chính năng lực kiểm soát chi phí hiệu quả đã giúp lợi nhuận của Công ty có mức tăng trưởng đột phá so với năm 2020. Bên cạnh đó, Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh đầu ra với việc phát triển Hệ thống phân phối vững mạnh với hơn 1600 đại lý toàn quốc, cùng mạng lưới khách hàng truyền thống trong nước và nước ngoài. Tôn Đông Á cũng tiếp tục Hoàn chỉnh bộ nhận diện thương hiệu, trong đó có Bộ nhãn hàng KING/WIN/S VIET và KINGMAX được phổ biến rộng rãi đến người tiêu dùng. Để nâng cao sức nhận diện thương hiệu và lan tỏa giá trị "cùng xây cuộc sống xanh", Tôn Đông Á cũng đóng góp tích cực hơn 2 tỷ vào các hoạt động thiện nguyện, hoạt động xã hội như ủng hộ Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, Bệnh viện dã chiến TW Huế, TT Y tế Dĩ An Bình Dương... để cung cấp Vắc-xin, ủng hộ thiết bị cho bệnh viện điều trị Covid-19, hỗ trợ cho các hoàn cảnh khó khăn thời kỳ dịch bệnh covid hoành hành..

Thành quả lớn nhất mà Tôn Đông Á đạt được chính là sự tín nhiệm, sự đánh giá cao về chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà Tôn Đông Á đem lại cho khách hàng cũng như uy tín thương hiệu ngày một cao trên thị trường. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục duy trì và phát huy những điểm sáng trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, hướng tới năm 2022 rực rỡ và thành công hơn.



Tổ chức và nhân sự

A. THỐNG KÊ NHÂN SỰ

Tính đến 31/12/2021, Công ty có 1.475 lao động ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty. Trong đó:

| Stt | Tiêu chí | Số lượng năm 2020 (người) | Số lượng năm 2021 (người) | Tỷ trọng 2021 |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|---------------|
| I | Theo trình độ lao động | | | |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 322 | 348 | 23,59% |
| 2 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 530 | 533 | 36,14% |
| 3 | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 600 | 594 | 40,27% |
| 4 | Lao động phổ thông | | | |
| II | Theo đối tượng lao động | | | |
| 1 | Lao động trực tiếp | 993 | 1005 | 68,14% |
| 2 | Lao động gián tiếp | 459 | 470 | 31,86% |
| III | Theo giới tính | | | |
| 1 | Nam | 1252 | 1260 | 85,42% |
| 2 | Nữ | 200 | 215 | 14,58% |
| | Tổng cộng | 1452 | 1475 | 100% |

B. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

► Chính sách tiền lương thù lao, phụ cấp của Tôn Đông Á được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của Tôn Đông Á được trả căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá chi tiết và xếp vào một hệ thống thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Phòng Nhân sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

► 100% người lao động làm việc tại công ty đều được hưởng các chế độ BHXH,

BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật; định kỳ khám sức khỏe 1 năm/ lần; tổ chức và tham gia các hoạt động team building, tham quan dã ngoại, các hoạt động văn nghệ, thể thao hàng năm...

► Ngoài ra, Ban lãnh đạo TDA quan tâm thăm hỏi và bồi dưỡng cán bộ nhân viên công ty những lúc ốm đau hay có tang gia, hiếu hỷ.

Chính sách tuyển dụng

► Hàng năm, Phòng Hành chính Nhân sự sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng dựa trên nhu cầu phát triển của Tôn Đông Á; thực hiện chính sách tuyển dụng tìm kiếm và thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đạo đức tốt, giỏi ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật...), phù hợp với văn hóa công ty.

► Việc tuyển dụng người lao động đều có kế hoạch và phải được công khai về số lượng, tiêu chuẩn, hình thức và kết quả tuyển dụng. Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ quản lý và người lao động được công khai tại nơi làm việc.

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Công tác an toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là trách nhiệm hàng đầu của tất cả các cấp quản lý và là bộ phận quan trọng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh. TDA sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu tối đa các rủi ro gây thương tật hoặc tác hại đối với sức khỏe con người, gây thiệt hại tài sản hoặc ô nhiễm môi trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, TDA cam kết thiết lập và duy trì một hệ thống ATSKMT đảm bảo:

► Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Bảo đảm các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của mình đáp ứng đạt chuẩn mực công nghiệp được thừa nhận.

► Cung cấp các nguồn lực, hệ thống, các quy trình cần thiết để thiết lập và duy trì mức rủi ro thấp nhất về ATSKMT. Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy hiểm có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản, tổn thất sản xuất, ô nhiễm môi trường;

► Tạo thuận lợi cho việc trao đổi với cán bộ công nhân viên, nhà thầu, khách hàng, nhà cung cấp và những người liên quan về vấn đề cải thiện công tác ATSKMT. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác ATSKMT, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

► Đào tạo cho CB-CNV Công ty các kiến thức về công tác ATSKMT phù hợp với công việc được giao;

► Đảm bảo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được xây dựng và duy trì có hiệu quả, đủ năng lực ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp;

► Định kỳ kiểm tra, xem xét, đánh giá công tác quản lý và kết quả thực hiện công tác ATSKMT để cải tiến liên tục

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

| STT | Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--|--|
| 1 | Tên dự án | Dự án Nhà máy 3 TDA PV | Đang tiến hành thủ tục xin cấp phép đầu tư |
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công ty TNHH Tôn Đông Á - Posco Việt Nam | |
| 3 | Hình thức đầu tư | Liên doanh với công ty Posco Việt Nam | |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Sản xuất tôn mạ lạnh, mạ kẽm và mạ màu cung ứng cho ngành xây dựng, sản xuất thiết bị gia dụng, ô tô | |
| 5 | Quy mô dự án | 1.2 triệu tấn/năm | Giai đoạn 1 (2021-2023): 350.000 tấn/năm Giai đoạn 2 (2023-2025): 600.000 tấn/năm Giai đoạn 3 (2024-2026): 250.000 tấn/năm |
| 6 | Địa điểm thực hiện dự án | KCN Phú Mỹ 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu | |
| 7 | Tổng mức đầu tư dự án | ~7000 tỷ đồng | Giai đoạn 1: 2425 tỷ đồng |
| 8 | Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | Năm 2021-2026 | |

| STT | Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết | Thông tin chi tiết |
|-----|--------------------------|---|---|
| 1 | Tên dự án | Dây chuyền dập nổi (EMBOSSING LINE) | Ứng dụng cho sản phẩm ngành thiết bị gia dụng |
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công Ty Cổ Phần Tôn Đông Á | |
| 3 | Hình thức đầu tư | Chủ sở hữu | |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Cán sản phẩm hoa văn Emboss trên tôn mạ màu cung ứng cho ngành sản xuất thiết bị gia dụng | |
| 5 | Quy mô dự án | Công suất 40,000 tấn/năm | |
| 6 | Địa điểm thực hiện dự án | Chi nhánh công Ty Cổ Phần Tôn Đông Á tại Thủ Dầu Một | |
| 7 | Tổng mức đầu tư dự án | 8 tỷ đồng | |



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

A. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA TÔN ĐÔNG Á

| Stt | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ (đồng) |
|-----|--|---|--|--------------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương | Lô CN16, Ô số 9-10, đường số 6, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 42.600.000.000 |
| 2 | Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An | Lô D9, đường số 4, KCN Nhựt Chánh, xã Nhựt Chánh, H. Bến Lức, T. Long An | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng) | 43.000.000.000 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng | Lô E2, đường số 7, KCN Hòa Khánh, Q.Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng) | 25.000.000.000 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh | Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, X. Đại Đồng, H. Tiên Du, T. Bắc Ninh | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng) | 9.000.000.000 |

B. TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 (đồng) | Thực hiện năm 2021 (đồng) | Tỷ lệ thực hiện |
|---|---------------------------|---------------------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 189.081.817.659 | 198.151.495.071 | 5% |
| Doanh thu thuần | 962.230.014.465 | 857.385.363.307 | -11% |
| Giá vốn hàng bán | 946.357.911.192 | 832.147.255.055 | -12% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 155.481.000 | 177.602.450 | 14% |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 9.941.444.421 | 9.865.137.127 | -1% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 6.086.139.852 | 15.550.573.575 | 156% |
| Lợi nhuận khác | -2.712.065 | -356.046.906 | 13028% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.083.427.787 | 15.194.526.669 | 150% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.725.707.844 | 12.067.249.896 | 155% |



Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 (đồng) | Thực hiện năm 2021 (đồng) | Tỷ lệ thực hiện |
|---|---------------------------|---------------------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 146.515.417.607 | 169.499.567.998 | 16% |
| Doanh thu thuần | 491.631.528.181 | 513.237.868.107 | 4% |
| Giá vốn hàng bán | 480.119.838.084 | 490.491.034.730 | 2% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 23.239.670 | 116.602.624 | 402% |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 8.495.103.896 | 10.143.704.531 | 19% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.039.825.871 | 12.719.731.470 | 318% |
| Lợi nhuận khác | 387.708.926 | 81.985.260 | -79% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.427.534.797 | 12.801.716.730 | 273% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.741.525.142 | 10.213.656.816 | 273% |

**Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An**

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 (đồng) | Thực hiện năm 2021 (đồng) | Tỷ lệ thực hiện |
|---|---------------------------|---------------------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 313.226.342.153 | 242.033.430.105 | -23% |
| Doanh thu thuần | 1.029.058.917.822 | 660.122.162.549 | -36% |
| Giá vốn hàng bán | 996.127.503.598 | 636.097.725.373 | -36% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 11.605.418 | 12.497.978 | 8% |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 17.556.293.542 | 14.372.714.447 | -18% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 15.386.726.100 | 9.664.220.707 | -37% |
| Lợi nhuận khác | 1.248.328.224 | 2.172.795.600 | 74% |
| Lợi nhuận trước thuế | 16.635.054.324 | 11.837.016.307 | -29% |
| Lợi nhuận sau thuế | 15.893.124.094 | 11.687.221.594 | -26% |

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 (đồng) | Thực hiện năm 2021 (đồng) | Tỷ lệ thực hiện |
|---|---------------------------|---------------------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 70.249.752.087 | 123.765.576.434 | 76% |
| Doanh thu thuần | 79.489.352.892 | 107.474.942.470 | 35% |
| Giá vốn hàng bán | 69.967.253.843 | 89.342.768.720 | 28% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 1.756.170 | 4.547.791 | 159% |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 7.697.914.949 | 11.356.130.397 | 48% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.825.940.270 | 6.780.591.144 | 271% |
| Lợi nhuận khác | -321.852.569 | 1.546.189.367 | 580% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.504.087.701 | 8.326.780.511 | 454% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.265.310.515 | 6.424.026.297 | 408% |

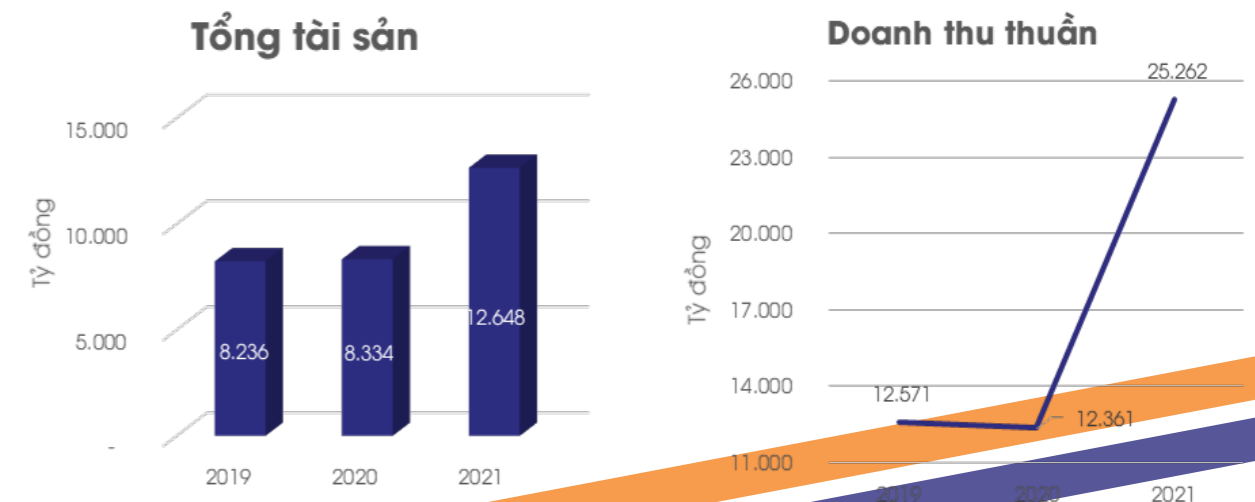


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2020 | 2021 | +/- |
|-----------------------------|------------|------------|------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản | Triệu đồng | 8.333.555 | 12.648.114 | 52% |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 12.360.955 | 25.261.747 | 104% |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Triệu đồng | 344.951 | 1.478.823 | 329% |
| Lợi nhuận khác | Triệu đồng | 2.636 | 24.672 | 836% |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 347.587 | 1.503.496 | 333% |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 286.060 | 1.209.808 | 323% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Đồng/Cp | 2.699 | 10.089 | 273.81% |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á

Nhìn chung trong năm 2021, Tôn Đông Á đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khả quan và sự tăng trưởng này phản ánh rất rõ qua các con số tài chính. Tổng giá trị tài sản đạt 12.648.114 triệu đồng tăng 51,77% trong khi doanh thu tăng hơn gấp 2 lần lên 25.261.747 triệu đồng. Hiệu quả sản xuất của Tôn Đông Á được phản ánh vào con số lợi nhuận sau thuế 1.209.808 triệu đồng tăng đến 4 lần. Phần lớn những kết quả ấn tượng này là nhờ sự tăng trưởng đột biến về doanh thu khi nhu cầu đầu tư trong nước và nhu cầu xuất khẩu tăng lên trong khi Công ty cũng được hưởng lợi một phần từ giá nguyên vật liệu tăng. Về nội tại, mấu chốt cho kết quả này là nhờ năng lực quản trị chi phí của Tôn Đông Á tiết kiệm và tối ưu hóa so với doanh thu, gia tăng hiệu suất sản xuất giúp tiết kiệm nhiên liệu. Các chiến lược kinh doanh, đầu tư sáng suốt của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo đã giúp Tôn Đông Á biến một năm nhiều khó khăn thành một năm thành công, mỗi cổ phiếu của công ty lãi cơ bản tăng gần 4 lần lên mức 10.089 đồng/cổ phiếu.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Riêng lẻ | | Hợp nhất | |
|--|--------|----------|--------|----------|--------|
| | | 2020 | 2021 | 2020 | 2021 |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>= TSLĐ/NNH</i> | Lần | 1 | 1,09 | 0,98 | 1,06 |
| Hệ số thanh toán nhanh <i>= (TSLĐ-HTK)/NNH</i> | Lần | 0,56 | 0,59 | 0,53 | 0,56 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,71 | 0,73 | 0,71 | 0,73 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,39 | 2,66 | 2,44 | 2,66 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | | |
| Vòng quay tổng tài sản <i>= DTT/Tổng TS bình quân</i> | Vòng | 1,5 | 2,42 | 1,49 | 2,41 |
| Vòng quay vốn lưu động <i>= DTT/Tổng TSNH bình quân</i> | Vòng | 2,5 | 3,46 | 2,54 | 3,5 |
| Vòng quay hàng tồn kho <i>= GVHB/HTK bình quân</i> | Vòng | 4,59 | 6,9 | 4,39 | 6,65 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | | |
| Hệ số lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>= LNST/DTT</i> | % | 2,20% | 4,70% | 2,30% | 4,80% |
| Hệ số lợi nhuận trên VCSH (ROE) <i>= LNST/VCSH bình quân</i> | % | 11,90% | 40,40% | 12,50% | 41,20% |
| Hệ số lợi nhuận trên vốn kinh doanh (ROA) <i>= LNST/TTS bq</i> | % | 3,30% | 11,40% | 3,50% | 11,50% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần. | % | 2,70% | 5,80% | 2,80% | 5,90% |

Đánh giá

Khả năng thanh toán

Tổng quan năm 2021, chỉ số thanh toán của công ty cao hơn so với năm 2020 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,98 lần lên 1,06 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 0,53 lần lên 0,56 lần. Trong năm 2021, tình hình kinh doanh của Tôn Đông Á có sự tăng trưởng mạnh mẽ giúp cho sự gia tăng từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng 43,76% so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng doanh thu cũng dẫn đến việc các khoản phải thu của Công ty tăng lên. Bên cạnh đó, mức nợ ngắn hạn của công ty năm nay được ghi nhận tăng 69,59% so với cùng kỳ khiến cho tỉ số về khả năng thanh toán không được cải thiện quá nhiều. Hiện tại, do cơ cấu vốn của Tôn Đông Á sử dụng đòn bẩy tài chính cao để bù đắp cho tăng trưởng nhanh về doanh thu do nguồn vốn chủ sở hữu chưa đáp ứng được quy mô nên với hệ số thanh toán xấp xỉ 1 có thể coi là mức an toàn đối với Công ty mang tính sản xuất cao như Tôn Đông Á.

Cơ cấu vốn

Năm 2021, Hệ số nợ/Tổng tài sản của công ty tăng từ 0,71 lần lên 0,73 lần; Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tăng từ 2,44 lần lên 2,66 lần. Tổng nợ của công ty không có nhiều biến động mạnh chủ yếu vốn chủ sở hữu của công ty tăng 42,48% so với cùng kỳ năm 2020, thể hiện công ty có hệ số công nợ ở mức an toàn và kiểm soát tốt mức nợ phải trả đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định. Tỷ lệ nợ vay/tài sản và tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu còn có xu hướng giảm dần qua các năm. Đây cũng là tỷ lệ nợ cần thiết do Công ty đang trong giai đoạn mở rộng, tăng trưởng mạnh về doanh thu. Công ty vẫn đang có đủ nguồn lực để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính cả trong ngắn và dài hạn. Tuy nhiên Tôn Đông Á sẽ cố gắng cân đối tỷ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính để đảm bảo sức khỏe tài chính lâu dài của Công ty.

Năng lực hoạt động

Năm 2021, vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng lên 6,65 vòng từ 4,92 vòng của năm 2020. Đối với một doanh nghiệp sản xuất như Tôn Đông Á thì đây là chỉ số quan trọng thể hiện năng lực sản xuất, phân phối để quay vòng tài sản. Trong bối cảnh Công ty đang cần vốn để mở rộng sản xuất thì việc ổn định được vòng quay hàng tồn kho và gia tăng quay vòng hàng tồn kho sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty. Năm 2021, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,48 lên 2,00 vòng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được cải thiện tốt hơn so với năm trước. Sự gia tăng tích cực của chỉ số này chủ yếu đến từ sức tăng mạnh từ doanh thu so với tài sản. Điều này vừa phản ánh quy mô doanh thu của Công ty có sự đột phá và cũng cho thấy năng lực tối ưu hóa trong sử dụng tài sản, nhất là với một cơ cấu tài chính sử dụng đòn bẩy tương đối cao của Tôn Đông Á.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số ROS, ROA đều có xu hướng tăng mạnh so với năm trước, cho thấy hiệu quả của việc quản lý chi phí và tối ưu hóa tài sản của Tôn Đông Á. Hai chỉ số này cũng đồng nhất với kết quả của các chỉ số trên liên quan đến khả năng tạo tài sản của Công ty. ROE giảm nhẹ chủ yếu do Tôn Đông Á tăng mạnh nợ vay trong năm 2021 khiến tỉ trọng vốn chủ sở hữu giảm đi và hiệu quả từ lợi nhuận lên vốn chủ có phần giảm đi. Tuy nhiên đây là xu hướng tất yếu trong bối cảnh Tôn Đông Á đang mở rộng sản xuất, gia tăng quy mô doanh thu và cả tài sản và ROE hiện tại vẫn ở mức tốt so với quy mô của Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

A. CỔ PHẦN

| | |
|--------------------------------|------------------------|
| Vốn điều lệ | 1.146.915.100.000 đồng |
| Tổng số cổ phần | 114.691.510 cổ phần |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành | 114.691.510 cổ phần |
| Tổng số cổ phiếu quỹ | 0 cổ phiếu |

B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2022

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu | Số lượng cổ đông |
|-----|---------------------------|--------------------|----------------|------------------|
| I | Cổ phiếu phổ thông | 114.691.510 | 100,00% | 269 |
| | Cổ đông trong nước | 87.491.505 | 76,28% | 262 |
| | - Tổ chức | 5.355.164 | 4,67% | 4 |
| | - Cá nhân | 82.136.341 | 71,62% | 258 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 27.200.005 | 23,72% | 7 |
| | - Tổ chức | 26.925.005 | 23,48% | 6 |
| | - Cá nhân | 275.000 | 0,24% | 1 |
| II | Cổ phiếu ưu đãi | 0 | 0,00% | 0 |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0,00% | 0 |
| | TỔNG CỘNG | 114.691.510 | 100,00% | 269 |

C. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Chỉ tiêu | Địa chỉ | Số CP | Tỷ lệ SH |
|-----|--|---|------------|----------|
| 1 | Nguyễn Thanh Trung | 18 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM | 37.392.640 | 32,60% |
| 2 | Lê Thị Phương Loan | Căn hộ C0-01 Mỹ Tú 1, Phú Mỹ Hưng P Tân Phong Quận 7, TpHCM | 12.303.790 | 10,73% |
| 3 | Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | 18 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM | 7.529.714 | 6,57% |
| 4 | Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam | 505-506, 5th Floor, Sai Gon Riverside Office Center, 2A-4A Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM | 8.536.000 | 7,44% |

D. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

| | |
|--|--------------------------|
| Tên cổ phiếu | Cổ phiếu CTCP Tôn Đông Á |
| Loại cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông |
| Mã chứng khoán | GDA |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành | 114.691.510 cổ phiếu |
| Tổng số cổ phiếu quỹ | 0 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do | 53.235.999 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng | 61.455.511 cổ phiếu |



E. QUÁ TRÌNH TĂNG, GIẢM VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần vào năm 2009 với số vốn điều lệ là 120 tỷ đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 13 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau

| Đợt tăng vốn | Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn tăng thêm (triệu đồng) | Hình thức tăng vốn | Mục đích sử dụng vốn |
|--------------|--------------------|--------------------------|----------------------------|--|--|
| Lần đầu | 2009 | 120.000 | | | |
| 1 | 2009 | 200.700 | 80.700 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức | Bổ sung vốn lưu động, thanh toán công nợ giữa Công ty và Công ty Posco - Việt Nam |
| | 2010 | | | Phát hành riêng lẻ | |
| | 2011 | | | | |
| 2 | 2012 | 229.753 | 29.053 | Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư mới | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK4 tại nhà máy KCN Đồng An II |
| | 2012 | | | Phát hành cổ phiếu ESOP | |
| | 2013 | | | | |
| 3 | 2013 | 302.253 | 72.500 | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK4, CK5, CK6 và dây chuyền cán nguội CN2 tại nhà máy KCN Đồng An II |
| | 2014 | | | Phát hành cổ phiếu ESOP | |
| | 2015 | | | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | |
| | 2014 | | | | |
| 4 | 2015 | 312.552 | 10.299 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | |

| Đợt tăng vốn | Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn tăng thêm (triệu đồng) | Hình thức tăng vốn | Mục đích sử dụng vốn |
|--------------|--------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------------------|---|
| 5 | 2016 | 362.423 | 49.871 | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2 và dây chuyền màu CM4 tại nhà máy KCN Đồng An II |
| | 2017 | | | Phát hành cổ phiếu ESOP | |
| 6 | 2017 | 724.845 | 362.422 | Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | |
| 7 | 2017 | 740.920 | 16.075 | Phát hành cổ phiếu ESOP | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK6 và dây chuyền mạ màu CM4 tại nhà máy KCN Đồng An II |
| 8 | 2017 | 816.555 | 75.635 | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II |
| | 2018 | | | | |
| 9 | 2017 | 859.055 | 42.500 | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II |

| Đợt tăng vốn | Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn tăng thêm (triệu đồng) | Hình thức tăng vốn | Mục đích sử dụng vốn |
|--------------|--------------------|--------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---|
| 10 | 2018 | 886.471 | 27.416 | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II |
| 11 | 2019 2020 | 975.098 | 88.627 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%) | |
| 12 | 2021 | 1.023.228 | 48.130 | Phát hành cổ phiếu ESOP | Bổ sung nguồn vốn lưu động hoặc đầu tư nhà máy 3 |
| 13 | 2022 | 1.419.915 | 123.687 | Chào bán IPO | Đầu tư nhà máy 3 |

F. THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

- ▶ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định pháp luật: **50%**.
- ▶ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: **50%**.
- ▶ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty hiện nay: **23,7287%**



Lãnh đạo và tập thể Tôn Đông Á tại lễ khai mạc Cúp Truyền Hình TP.HCM - HTV - Tôn Đông Á



PHẦN III

Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc

ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2021

NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN

XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022



ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2021

A. BỐI CẢNH CHUNG

- ▶ Thị trường có nhiều biến động về giá cả và nhu cầu do hệ quả chiến tranh thương mại và làn sóng dịch bệnh kéo dài.
- ▶ Chuỗi cung ứng bị đứt gãy trên toàn cầu, gây nhiều khó khăn cho việc mua bán và vận chuyển hàng hóa.
- ▶ GDP cả nước tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm, các biện pháp giãn cách và phòng ngừa dịch bệnh tác động mạnh đến hoạt động của thị trường nội địa.
- ▶ Hiệp định TPP và EVFTA thúc đẩy hoạt động thương mại giữa Việt Nam và các nước.

B. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY

- ▶ Trong năm công ty đẩy mạnh kênh bán hàng xuất khẩu, doanh thu xuất khẩu chiếm 55% trong tổng doanh thu hợp nhất năm 2021, các điều kiện về thị trường giúp cho nguồn cung hàng quốc tế trở nên khan hiếm hơn trong khi nhu cầu xây dựng tăng trở lại sau khi các quốc gia phát triển phủ vắc-xin ở một tỉ lệ nhất định và mở cửa trở lại nên kinh tế giúp cho giá bán thị trường xuất khẩu tốt. Doanh thu thuần năm 2021 tăng 12.900,7 tỷ đồng tương ứng tăng 104% so với năm 2020, dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 1.133,8 tỷ đồng tương ứng tăng 329% so với năm 2020.
- ▶ Tôn Đông Á nắm bắt được nhu cầu trên thị trường trong và ngoài nước, có sẵn những kế hoạch tăng sản lượng bán hàng, đồng thời thực hiện các biện pháp quản trị nhằm đảm bảo tỷ lệ chi phí sản xuất và chi phí quản lý trên doanh thu thuần giảm, làm tăng biên lợi nhuận ròng và giúp cho lợi nhuận sau thuế tăng rất mạnh so với năm 2020.

NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

| Chỉ tiêu | Đơn vị | KH 2021 | TH 2021 | TH 2020 | %2021 | Tăng tr |
|---|---------|---------|----------|----------|-------|---------|
| Giá trị SXKD | Tỷ đồng | 15.333 | 24.049,4 | 12.110,6 | 57% | 99% |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 16.098 | 25.261,7 | 12.360,9 | 57% | 104% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 651 | 1.209,8 | 286 | 86% | 323% |
| Cổ tức | % | 10 | 30 | 10 | 200% | 200% |

B. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những động lực chính để đạt kế hoạch

Một trong những điểm mấu chốt trong việc đạt kế hoạch là chiến lược kinh doanh uyển chuyển, năng động và phản ứng linh hoạt, theo sát sự thay đổi nhanh của thị trường. Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, công suất máy móc thiết bị hoạt động tối đa, tối ưu hóa được chi phí. Bên cạnh đó, Tôn Đông Á chủ trương duy trì chất lượng sản phẩm ổn định, tỷ lệ sản phẩm loại 1 trên 99%

Công ty nhận thấy tiềm năng nhu cầu thị trường Bắc Mỹ và Châu Âu và gia tăng sản lượng xuất khẩu đến các khu vực này/ Với chất lượng vượt trội so với các đối thủ trong nước, sản lượng xuất khẩu sản phẩm của Tôn Đông Á sang các khu vực này tăng trưởng rất ấn tượng.

Tôn Đông Á cũng hoàn thiện bộ nhãn hàng KING/WIN/S VIET tạo sự khác biệt so với đối thủ, bộ nhãn hàng đã tạo dấu ấn và trở nên quen thuộc với khách hàng, nâng tầm vị thế của cả nhãn hiệu Tôn Đông Á vốn đã quen thuộc với khách hàng và thị trường lâu năm cũng như đưa nhãn hiệu KING/WIN/S VIET trực tiếp khẳng định vị thế dòng sản phẩm chất lượng cao trên thị trường

Bên cạnh thị phần xuất khẩu, Tôn Đông Á vẫn rất chú trọng vào hệ thống bán hàng nội địa với hệ thống phân phối với 4 công ty thành viên, 2 văn phòng đại diện phân phối hàng hóa đa dạng qua 3 kênh: thương mại, cắt cán và dự án chuyên ngành. Ngoài ra, thị trường nội địa còn có thêm VPDD TDA. BD phục vụ và gia tăng dịch vụ khách hàng khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Công ty cũng đầu tư đội xe (TDA.BD) để chủ động

vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ của Tôn Đông Á và nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng

Những tiến bộ Tôn Đông Á đã đạt được trong năm 2021

Trong năm 2021, Tôn Đông Á đã có sự chuyển đổi linh hoạt cơ cấu thị trường trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị hết sức phức tạp, dịch bệnh vẫn chưa chấm dứt, Công ty vẫn giữ được thế mạnh và tận dụng được những lợi thế riêng của ngành để đạt được kết quả kinh doanh vô cùng thuận lợi. Đây là năm mà Tôn Đông Á mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước Châu Âu và tăng sản lượng xuất khẩu gấp 2.5 lần, tăng cao kỷ lục so với năm 2020, đặc biệt lượng hàng xuất khẩu đi thị trường khó tính là Mỹ tăng gấp 5 lần cho thấy sản phẩm của TDA ngày càng được nâng cao về chất lượng để đáp ứng được những yêu cầu khó khăn của khách hàng về tiêu chuẩn cũng như đa dạng sản phẩm.

Tôn Đông Á tiếp tục củng cố và ổn định hệ thống phân phối tại thị trường nội địa với 3 công ty thành viên và 2 văn phòng đại diện là đầu cầu phân phối hàng hóa đến 1600 đại lý khắp từ Nam ra Bắc (tăng 100 đại lý so với năm 2020). Công ty cũng vẫn tiếp tục đẩy mạnh truyền thông nhằm tăng tính nhận diện thương hiệu của Tôn Đông Á và các nhãn hàng KING/WIN/S VIET. Tôn Đông Á cũng tiếp sức, chung tay cùng cộng đồng vượt qua Đại dịch Covid cũng như bà con có hoàn cảnh khó khăn, học sinh, sinh viên vượt khó nhằm lan tỏa giá trị "Cùng xây cuộc sống xanh".



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

| Chỉ tiêu | 2020 (triệu đồng) | Tỷ trọng | 2021 (triệu đồng) | Tỷ trọng | Thay đổi |
|---------------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|---------------|---------------|
| A - Tài sản ngắn hạn | 5.036.657 | 60,44% | 9.281.097 | 73,38% | 84,27% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 378.658 | 4,54% | 544.359 | 4,30% | 43,76% |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 658.736 | 7,90% | 1.625.389 | 12,85% | 146,74% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 1.583.842 | 19,01% | 2.519.798 | 19,92% | 59,09% |
| IV. Hàng tồn kho | 2.326.448 | 27,92% | 4.427.017 | 35,00% | 90,29% |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 88.956 | 1,07% | 164.533 | 1,30% | 84,96% |
| B - Tài sản dài hạn | 3.296.898 | 39,56% | 3.367.017 | 26,62% | 2,13% |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 4.923 | 0,06% | 4.867 | 0,04% | -1,14% |
| II. Tài sản cố định | 2.932.849 | 35,19% | 2.834.482 | 22,41% | -3,35% |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 31.596 | 0,38% | 3.106 | 0,02% | -90,17% |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | - | 0,00% | 199.640 | 1,58% | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 327.530 | 3,93% | 324.923 | 2,57% | -0,80% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 8.333.555 | 100,00% | 12.648.114 | | 51,77% |

Tài sản trong kì tăng 51,77% đạt 12.648 tỷ đồng, phần lớn do tăng tài sản ngắn hạn tới 84,27% so với cùng kỳ 2020 và tài sản ngắn hạn chiếm đến 73,38% cơ cấu tổng tài sản. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm tỉ trọng lớn nhất cũng là hàng tồn kho chiếm đến 35%, tăng đến 90,29% so với cùng kỳ. Lượng hàng tồn kho tăng lên phần nhiều liên quan đến doanh thu thuần tăng cao, giá đơn vị sản phẩm tăng cao và khiến lượng hàng tồn tăng theo. Bên cạnh đó, doanh thu tăng cũng làm các khoản phải thu tăng, tuy nhiên cơ cấu khoản phải thu trong cơ cấu tài sản ngắn hạn vẫn ổn định. Tài sản dài hạn trong năm 2021 chỉ biến động nhỏ, tăng 2,13% so với cùng

kỳ. Hầu hết các khoản tài sản dài hạn đều giảm dù mức giảm về tuyệt đối là không quá lớn, chủ yếu là khấu hao tài sản cố định. Tuy nhiên mức tăng trong kỳ chủ yếu đến từ các khoản đầu tư dài hạn mà cụ thể ở đây là các trái phiếu phát hành bởi các Ngân hàng. Cơ cấu tài sản của Tôn Đông Á phù hợp với giai đoạn Công ty đang tăng tỷ lệ nợ cho giai đoạn mở rộng và doanh thu tăng nhanh.

B. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

| Chỉ tiêu | 2020 (triệu đồng) | Tỷ trọng | 2021 (triệu đồng) | Tỷ trọng | Thay đổi |
|--|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 5.910.793 | 70,93% | 9.196.196 | 72,71% | 55,58% |
| I. Nợ ngắn hạn | 5.156.605 | 61,88% | 8.745.066 | 69,14% | 69,59% |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 1.476.177 | 17,71% | 2.351.948 | 18,60% | 59,33% |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 109.006 | 1,31% | 58.614 | 0,46% | -46,23% |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 61.664 | 0,74% | 108.732 | 0,86% | 76,33% |
| 4. Phải trả người lao động | 35.854 | 0,43% | 37.665 | 0,30% | 5,05% |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 7.435 | 0,09% | 6.449 | 0,05% | -13,26% |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 800.812 | 9,61% | 2.336.109 | 18,47% | 191,72% |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 2.657.851 | 31,89% | 3.827.538 | 30,26% | 44,01% |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 7.807 | 0,09% | 18.010 | 0,14% | 130,7% |
| II. Nợ dài hạn | 754.188 | 9,05% | 451.130 | 3,57% | -40,18% |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 5.336 | 0,06% | 0 | 0,00% | -100,00% |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 693.166 | 8,32% | 451.130 | 3,57% | -34,92% |
| 3. Trái phiếu chuyển đổi | 55.686 | 0,67% | 0 | 0,00% | -100,00% |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 2.422.762 | 29,07% | 3.451.918 | 27,29% | 42,48% |
| I. Vốn chủ sở hữu | 2.422.762 | 29,07% | 3.415.918 | 27,01% | 40,99% |
| 1. Vốn cổ phần | 975.098 | 11,70% | 1.023.228 | 8,09% | 4,94% |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 464.371 | 5,57% | 464.371 | 3,67% | 0,00% |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 1.932 | 0,02% | 1.932 | 0,02% | 0,00% |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 3.431 | 0,04% | 3.431 | 0,03% | 0,00% |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 977.930 | 11,73% | 1.958.956 | 15,49% | 100,32% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 8.333.555 | 100,00% | 12.648.114 | 100,00% | 51,77% |

B. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Tình hình nguồn vốn trong kỳ tăng mạnh thêm 51,77% và chủ yếu là tăng lên trong khoản mục nợ phải trả. Khoản mục nợ phải trả chiếm tỉ trọng đến 72,71% tuy xét về mặt cơ cấu là vẫn ổn định so với 2020 nhưng tăng đến 55,58%. Để cơ cấu này được giữ ổn định so với năm 2020 thì Tôn Đông Á đã tăng vốn chủ thêm 42,48% thông qua Phát hành ra công chúng. Đối với khoản mục nợ phải trả, chiếm phần lớn là nợ ngắn hạn trong đó gần một nửa là vốn vay. Chiếm tỉ trọng lớn khác là các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác, vốn gồm các khoản phải trả liên quan đến hàng tồn kho. Chủ yếu cơ cấu nợ được giữ cao và tăng lên để phù hợp với quy mô doanh thu tăng mạnh trong năm 2021 và cao gấp đôi tài sản nên cần nguồn vốn vay và các khoản nợ khác nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động của Công ty, giữ cho vòng quay tài sản được thông suốt.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2022

A. ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI TIỀM NĂNG 2022

Năm 2022 được nhiều chuyên gia nhận định là sẽ khó còn diễn ra tình trạng mất cân bằng cung cầu thép như năm 2021 và do đó giá thép khó có thể còn giữ ở mức cao. Động lực chính cho tăng trưởng và giữ vững lợi nhuận trong năm 2022 sẽ nằm ở khả năng cạnh tranh của sản phẩm và việc nắm bắt các nhu cầu đầu tư lớn, các thị trường còn nhiều tiềm năng.

Đối với thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp sản xuất tôn, thép vẫn còn nguyên cơ hội được hưởng lợi từ chủ trương đầu tư công với gói kích thích đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tối đa gần 114 nghìn tỷ đồng. Dịch bệnh Covid-19 đang tạm lắng xuống ở bình diện trong nước và đây cũng là cơ hội để triển khai các kế hoạch xây dựng phát triển khác. Tôn Đông Á đang sở hữu năng lực sản xuất dẫn đầu thị trường trong nước và có chiến lược tăng độ phủ sóng sản phẩm ra nhiều địa bàn trên cả nước. Ban lãnh đạo Tôn Đông Á đánh giá đây sẽ là cơ hội tốt để tiếp tục

mở rộng thị trường, nâng cao uy tín và độ nhận diện của thương hiệu Tôn Đông Á và các nhãn hàng chất lượng cao. Bên cạnh đó, chiến lược mở rộng sản xuất các sản phẩm mới liên quan đến sản xuất gia dụng, công nghiệp, đặc biệt là phụ trợ cho sản xuất ô tô có thể giúp Tôn Đông Á đón đầu xu thế sản xuất mới khi nhu cầu về xe hơi trong nước và trong khu vực đang ngày một tăng lên.

Đối với thị trường xuất khẩu, Tôn Đông Á đã tận dụng được cơ hội khi nguồn cung tôn thép mất cân đối so với nhu cầu để mở rộng thị phần đến các thị trường khó tính như Mỹ, châu Âu. Tuy trong năm 2022, giá bán ở các thị trường trên sẽ có xu hướng giảm và các doanh nghiệp sản xuất thép Trung Quốc có thể quay trở lại nhưng việc đã khẳng định được uy tín, chất lượng ngay trong thời điểm khó khăn của Đại dịch sẽ giúp Tôn Đông Á có những lợi thế cạnh tranh nhất định và là bàn đạp để phát triển sâu rộng hơn trên những thị trường này.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2022

Dựa trên bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội năm 2022, Ban Tổng Giám đốc nhận định 2022 sẽ tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn đối với kinh tế nói chung và các điều kiện thuận lợi về giá nguyên liệu tôn, thép không còn được đảm bảo như năm 2021 trong khi xung đột tại Ukraine có thể tạo ra những biến cố chính trị - kinh tế lớn và bất ngờ. Trước tình hình trên, Tôn Đông Á đặt mục tiêu duy trì sản lượng sản xuất, giữ vững lợi nhuận khả quan của năm 2021. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục xúc tiến với các khách hàng hiện tại, đặc biệt là các đối tác Mỹ và châu Âu.

C. ĐÁNH GIÁ CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

- ▶ Công ty vẫn hoạt động mảng kinh doanh sản phẩm tôn mạ và thép hộp.
- ▶ Tiếp tục ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát hệ thống quản trị.
- ▶ Đầu tư nhà máy thứ 3 tại Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng công suất lên đến 1.2 triệu tấn/năm:
- ▶ Khắc phục điểm nghẽn hiện tại về công suất sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- ▶ Mở rộng phân khúc tiêu thụ hàng hóa sang thiết bị gia dụng, nội thất và hướng đến phân khúc xe hơi.
- ▶ Trở thành nhà sản xuất tôn mạ chất lượng và chủng loại sản phẩm phong phú top đầu Việt Nam.
- ▶ Kế hoạch phát triển thị trường:
 - ▷ Kiên trì định hướng phát triển thị trường phân khúc sản phẩm chất lượng cao
 - ▷ Tiếp tục củng cố các khu vực thị trường
 - ▷ Gia tăng sản lượng tại các khu vực và phân khúc còn dư địa.
 - ▷ Mở rộng kênh xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng.





Phần IV

Đánh giá của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

A. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

- ▶ Trong năm qua, HĐQT đã tổ chức họp và phân công từng nhiệm vụ đến từng thành viên trong HĐQT theo từng mảng công việc cụ thể để chỉ đạo, theo sát công tác triển khai các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.
- ▶ Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đã được ban điều hành triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các phòng ban/bộ phận chức năng trong Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị công ty giao cho. Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng và tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty, các quy định khác của Nhà nước. Phát huy được tối đa trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có cũng như tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng lòng đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.
- ▶ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn tìm tòi, nghiên cứu, đề xuất đổi mới mô hình hoạt động phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Đặc biệt, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng không ít đến kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, BTGD Công ty đã nhanh chóng điều chỉnh định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như phương án tổ chức “3 tại chỗ” trong công ty cùng với các chính sách khích lệ tinh thần làm việc của CB-CNV từ đó giúp CB-CNV yên tâm sản xuất, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.
- ▶ Trong năm 2021, HĐQT cũng đã chỉ đạo sát sao và triển khai thành công công tác xin cấp giấy phép phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
- ▶ Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.
- ▶ Trong quyền hạn và nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như phối hợp với HĐQT và bộ máy điều hành trong Công ty thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết đã được ban hành.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2021 |
|-----|------------------------|------------|--------------------|
| 1 | Tổng vốn CSH bình quân | Triệu Đồng | 2.937.340 |
| 2 | Doanh thu thực hiện | Triệu Đồng | 25.301.792 |
| 3 | Tổng chi phí | Triệu Đồng | - 24.049.403 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu Đồng | 1.503.496 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu Đồng | 1.209.808 |

C. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

- ▶ Trong năm 2021, Tôn Đông Á tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư Nhà máy thép lá mạ công suất 1.2 triệu tấn/ năm (NM3) nhằm sản xuất sản phẩm thép mạ dùng cho các ngành nghề xây dựng, sản xuất thiết bị gia dụng & ô tô. Dự kiến các dự án sẽ hoàn thành sản xuất sản phẩm đầu tiên vào đầu Quý III/2023
- ▶ Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển 24 năm qua, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Hỗ trợ kinh phí xây cầu đường; trao học bổng cho trẻ em nghèo, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; hỗ trợ tôn lợp nhà và nhiều tài trợ ý nghĩa khác
- ▶ Đặc biệt năm 2021, TDA là một trong những đơn vị, đồng hành cùng Chính phủ, trong cuộc chiến phòng, chống dịch COVID-19. Đến nay, tổng số tiền mà Tôn Đông Á đã ủng hộ, đóng góp cho công tác phòng chống dịch COVID-19 lên gần 5 tỷ đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

A. NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các phòng ban/bộ phận chức năng trong Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty giao cho. Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng đều tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty và các quy định khác của Nhà nước
- ▶ HĐQT đã tổ chức họp và phân công từng nhiệm vụ đến từng thành viên trong HĐQT theo từng mảng công việc cụ thể để chỉ đạo, theo sát công tác triển khai các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua
- ▶ Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đã được ban điều hành triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu
- ▶ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn tìm tòi, nghiên cứu, đề xuất đổi mới mô hình hoạt động phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Đặc biệt, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng không ít đến kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, BTGD Công ty đã nhanh chóng điều chỉnh định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như phương án tổ chức “3 tại chỗ” trong công ty cùng với các chính sách khích lệ tinh thần làm việc của CB-CNV từ đó giúp CB-CNV yên tâm sản xuất, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động

B. NHỮNG MẶT CHƯA LÀM ĐƯỢC & NGUYÊN NHÂN

- ▶ Thị phần nội địa và xuất khẩu có thể tăng được nhưng do công suất của các nhà máy đã vận hành và chạy tối đa không đủ cung cấp nguồn hàng theo yêu cầu dẫn đến cung ứng nguồn hàng cho khách hàng bị hạn chế
- ▶ Chưa cung cấp được nguồn sản phẩm phong phú đáp ứng tối đa nhu cầu của thị trường
- ▶ Mục tiêu nhanh chóng đưa NM3 nhanh chóng đi vào hoạt động

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì chiến lược lâu dài của Tôn Đông Á trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục tập trung phát triển các dòng sản phẩm chất lượng cao, phân khúc cao, mở rộng ra các thị trường còn dư địa cũng như nâng cao vị thế tại các thị trường đang chiếm lĩnh hiện tại. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục đầu tư vào dự án nhà máy số 3 tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Tôn Đông Á cũng sẽ lấn sân sang các dòng sản phẩm khác để mở rộng hệ sinh thái, nâng cao chuỗi giá trị thương hiệu Tôn Đông Á. Cùng với đó, Tôn Đông Á đang có những bước chuẩn bị để chính thức niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vươn thương hiệu Tôn Đông Á hơn ra thị trường cũng như nâng tầm vị thế khi giờ đây Công ty sẽ cần tiếp tục nỗ lực duy trì kết quả cũng như kiên toàn

bộ máy theo tiêu chuẩn của một Công ty đại chúng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ. Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu tiếp tục duy trì mức doanh thu và lợi nhuận xuất sắc của 2021 đồng thời thực hiện các mục tiêu đầu tư, sản xuất, khai thông các điểm tắc nghẽn về nhu cầu do công suất không đủ đáp ứng khách hàng trong năm 2021.

Để đạt được những mục tiêu trên, Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng giám đốc thực hiện sát các mục tiêu được đề ra, đôn đốc cán bộ, công nhân viên nỗ lực hết mình vượt qua những khó khăn, không ngừng sáng tạo, cải tiến hiệu quả sản xuất, linh hoạt, chủ động ứng phó với những biến đổi trong môi trường kinh doanh.



Phần V

Quản trị công ty

SƠ LƯỢC THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SƠ LƯỢC THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ

BAN GIÁM ĐỐC

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ

QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Thanh Trung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1959 - Kỹ sư xây dựng

Ông Nguyễn Thanh Trung là cổ đông sáng lập và là người đặt những nền móng đầu tiên cho Tôn Đông Á. Ông từng công tác tại Tổng Công ty Cao su Việt Nam và Công ty TNHH XD-TM Mekong Việt Nam. Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ khi thành lập cho đến tháng 06/2021. Sau 06/2021, ông Nguyễn Thanh Trung chỉ còn là Chủ tịch HĐQT của Công ty



Bà Lê Thị Phương Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1951 - Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Bà Lê Thị Phương Loan là một trong 3 cổ đông sáng lập của Tôn Đông Á. Bà nắm chức vụ chủ chốt trong HĐQT từ khi thành lập năm 1998 cho đến nay.



Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1965 - Cao đẳng Quản trị Kinh doanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh là một trong 3 cổ đông sáng lập của Tôn Đông Á. Bà nắm chức vụ chủ chốt trong HĐQT từ khi thành lập năm 1998 cho đến nay.

Ông Hồ Song Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1961 - Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Ông Hồ Song Ngọc từng công tác tại Tiểu đoàn 22, Sư đoàn 98, Quân khu 9, Công ty Du lịch An Giang, Công ty TNHH Minh Nguyên trước khi trở thành thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tôn Đông Á từ năm 2010 đến tháng 06/2021. Ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc kể từ tháng 06/2021 đến nay



Ông Phạm Quốc Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967 - Cử nhân Sư phạm Hóa

Ông Phạm Quốc Thắng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc tại Nhà máy sản xuất nước ngọt Festi Long Xuyên và công tác tại Công ty Thực phẩm Mekong Gò Vấp trước khi trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 1998 đến nay



Ông Đoàn Vĩnh Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1968 - Cử nhân Kế hoạch hóa Kinh tế Quốc dân

Ông Đoàn Vĩnh Phước từng công tác tại Công ty TNHH Mekong cho đến năm 1998. Ông giữ chức vụ Trưởng VPĐD tại TpHCM của Tôn Đông Á từ năm 1998 đến năm 2007 trước khi trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2008 đến nay



Ông Đoàn Danh Tuấn

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1957 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế

Ông Đoàn Danh Tuấn hiện đang là Tổng Giám đốc Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng. Ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tôn Đông Á từ tháng 05/2021 đến nay



Ông Ngô Văn Sinh

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1972 - Kỹ sư Điện

Ông Ngô Văn Sinh từng công tác tại LS Industrial System và Schneider Electric. Hiện nay ông đang là Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện Miền Trung và giữ chức vụ thành viên HĐQT Tôn Đông Á từ tháng 05/2021 đến nay.



| Họ tên | Chức vụ | Thành viên điều hành, không điều hành |
|--------------------------|-----------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Trung | Chủ tịch HĐQT | TV không điều hành |
| Bà Lê Thị Phương Loan | TV HĐQT | TV không điều hành |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | TV HĐQT | TV không điều hành |
| Ông Hồ Song Ngọc | TV HĐQT | Thành viên điều hành |
| Ông Phạm Quốc Thắng | TV HĐQT | Thành viên điều hành |
| Ông Đoàn Vĩnh Phước | TV HĐQT | Thành viên điều hành |
| Ông Đoàn Danh Tuấn | TV độc lập HĐQT | TV không điều hành |
| Ông Ngô Văn Sinh | TV độc lập HĐQT | TV không điều hành |

SỐ CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2021

| Họ tên | Chức vụ | Số cuộc họp |
|--------------------------|-----------------|-------------|
| Ông Nguyễn Thanh Trung | Chủ tịch HĐQT | 38/38 |
| Bà Lê Thị Phương Loan | TV HĐQT | 38/38 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | TV HĐQT | 38/38 |
| Ông Hồ Song Ngọc | TV HĐQT | 38/38 |
| Ông Phạm Quốc Thắng | TV HĐQT | 38/38 |
| Ông Đoàn Vĩnh Phước | TV HĐQT | 38/38 |
| Ông Đoàn Danh Tuấn | TV độc lập HĐQT | 26/38 |
| Ông Ngô Văn Sinh | TV độc lập HĐQT | 26/38 |

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

| Số NQ - QĐ | Ban hành | Tóm tắt nội dung |
|----------------------|------------|---|
| 01/2021/NQ-HĐQT-TDA | 07/01/2021 | Chi trả cổ tức năm 2019 |
| 02/2021/NQ-HĐQT-TDA | 20/01/2021 | Thành lập Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại Long An và bổ nhiệm người đứng đầu địa điểm kinh doanh |
| 03/2021/NQ-HĐQT-TDA | 26/01/2021 | Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng (TDA.DN) |
| 04/2021/NQ-HĐQT-TDA | 30/03/2021 | Chi trả cổ tức năm 2019- đợt 2 |
| 04A/2021/NQ-HĐQT-TDA | 01/04/2021 | Thông qua gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ |
| 05/2021/NQ-HĐQT-TDA | 06/04/2021 | Đầu tư thêm vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Bình Dương |
| 05A/2021/NQ-HĐQT-TDA | 11/05/2021 | Chi trả cổ tức năm 2020 |
| 06/2021/NQ-HĐQT-TDA | 20/05/2021 | Bổ sung nội dung đăng ký hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương |

| Số NQ - QĐ | Ban hành | Tóm tắt nội dung |
|----------------------|------------|---|
| 07/2021/NQ-HĐQT-TDA | 31/05/2021 | Thực hiện chương trình phát hành ưu đãi cho CB-CNV, xử lý cổ phiếu quỹ |
| 08/2021/NQ-HĐQT-TDA | 01/06/2021 | Thay đổi thành viên BTK HĐQT (Hong Nhung - Nhật Hoàng) |
| 08A/2021/NQ-HĐQT-TDA | 11/05/2021 | Chi trả cổ tức 2020 |
| 08B/2021/NQ-HĐQT-TD | 17/05/2021 | BBH kiêm nghị quyết Thông qua kế hoạch kinh doanh và vay vốn tại vietinbank Đông Sài Gòn và các biện pháp đảm bảo nợ vay |
| 09/2021/NQ-HĐQT-TDA | 08/06/2021 | Ông Nguyễn Thanh Trung thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc và bổ nhiệm làm người đại diện theo pháp luật |
| 10/2021/NQ-HĐQT-TDA | 08/06/2021 | Bổ nhiệm ông Hồ Song Ngọc giữ chức vụ Tổng Giám Đốc (người đại diện theo pháp luật) |
| 11/2021/NQ-HĐQT-TDA | 08/06/2021 | Đầu tư xây dựng văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh |
| 11A/2021/NQ-HĐQT-TDA | 08/06/2021 | Xét duyệt DS mua cổ phần ưu đãi theo chương trình phát hành ưu đãi ESOP 2021 |
| 12/2021/NQ-HĐQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Bình Dương |
| 13/2021/NQ-HĐQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Long An |
| 14/2021/NQ-HĐQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Đà Nẵng |

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021 (TIẾP THEO)

| SỐ NGHỊ QUYẾT - QUYẾT ĐỊNH | Ban hành | Tóm tắt nội dung |
|----------------------------|------------|---|
| 11/2021/NQ-HDQT-TDA | 08/06/2021 | Đầu tư xây dựng văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh |
| 11A/2021/NQ-HDQT-TDA | 08/06/2021 | Xét duyệt DS mua cổ phần ưu đãi theo chương trình phát hành ưu đãi ESOP 2021 |
| 12/2021/NQ-HDQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Bình Dương |
| 13/2021/NQ-HDQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Long An |
| 14/2021/NQ-HDQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Đà Nẵng |
| 15/2021/NQ-HDQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Đông Á Bắc Ninh |
| 16/2021/NQ-HDQT-TDA | 29/06/2021 | Thay đổi thành viên BTK HĐQT (Hoàng Loan - Nguyễn Nhật Hoàng) |
| 17/2021/NQ-HDQT-TDA | 01/07/2021 | Chấm dứt hoạt động Hội đồng quản lý các dự án, Hội đồng đầu tư |
| 18/2021/NQ-HDQT-TDA | 08/07/2021 | Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 19/2021/NQ-HDQT-TDA | 26/07/2021 | Phê duyệt cho Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai |

| SỐ NGHỊ QUYẾT - QUYẾT ĐỊNH | Ban hành | Tóm tắt nội dung |
|----------------------------|------------|--|
| 20/2021/NQ-HDQT-TDA | 26/07/2021 | Thông qua việc Bảo lãnh cho CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á BÌNH DƯƠNG vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai |
| 21/2021/NQ-HDQT-TDA | 17/09/2021 | Điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Nghị quyết 18/2021 |
| 22/2021/NQ-HDQT-TDA | 24/09/2021 | Điều chỉnh, bổ sung bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng |
| 23/2021/NQ-HDQT-TDA | 23/10/2021 | Miễn nhiệm Giám đốc TDA.LA (Đoan Trang) |
| 24/2021/NQ-HDQT-TDA | 23/10/2021 | Bổ nhiệm Giám đốc TDA.LA (Xuân Hòa) |
| 25/2021/NQ-HDQT-TDA | 04/11/2021 | Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Trung làm người đại diện phần vốn góp tại Công ty TNHH Tôn Đông Á Posco VN |
| 26/2021/NQ-HDQT-TDA | 04/11/2021 | Bổ nhiệm ông Hồ Song Ngọc giữ chức vụ Thành viên thường trực HĐQT TDA |
| 27/2021/NQ-HDQT-TDA | 02/12/2021 | Thay đổi người đứng đầu địa điểm kinh doanh TDA.ST3 |



BAN KIỂM SOÁT



Bà Lê Thị Khoa Nguyễn

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1959 - Tiến sĩ kinh tế

Bà Lê Thị Khoa Nguyễn từng giảng dạy tại Trường Trung cấp tài chính KT 4 (Bộ Tài chính), Trường Cao Đẳng Tài chính Hải Quan (Bộ Tài chính), Trường ĐH MỞ TP HCM và thỉnh giảng tại nhiều trường đại học khác. Bà được bầu làm Trưởng BKS Tôn Đông Á từ 05/2021 đến nay



Ông Nguyễn Năng Tín

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1955 - Kỹ sư cơ khí

Ông Nguyễn Năng Tín từng làm Giảng viên tại ĐH Bách Khoa TP.HCM, từng công tác tại Cty TNHH Thương Mại - Xây Dựng Nam Hải. Ông được bầu làm Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 05/2021 đến nay



Bà Lâm Duy Thùy Linh

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1965 - Thạc sĩ y khoa

Bà Lâm Duy Thùy Linh từng công tác tại Đại học Y Dược TPHCM, Bệnh viện nhân dân Gia Định. Hiện bà đang là Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Linh Ân và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 05/2021



Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1957 - Thạc sĩ kinh tế

Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà từng giảng dạy tại Trường Cấp 3 Phù Mỹ, Trường Nuôi dạy con Liệt Sĩ Miền Nam - Gò Vấp HCM. Bà cũng từng giữ chức vụ Thành viên HĐQT và Giám đốc APAVE Asia-Pacific. Hiện bà đang là Giảng viên tại Trường Đại học Hoa Sen và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 01/2022

| Họ tên | Chức vụ |
|----------------------------|----------------|
| Bà Lê Thị Khoa Nguyễn | Trưởng BKS |
| Ông Nguyễn Năng Tín | Thành viên BKS |
| Bà Lâm Duy Thùy Linh | Thành viên BKS |
| Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà | Thành viên BKS |

SỐ CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

| Họ tên | Số cuộc họp |
|----------------------------|---------------------|
| Bà Lê Thị Khoa Nguyễn | 2/2 |
| Ông Nguyễn Năng Tín | 2/2 |
| Bà Lâm Duy Thùy Linh | 2/2 |
| Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà | 0/2 (tham gia 2022) |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Hồ Song Ngọc - TỔNG GIÁM ĐỐC: Xem phần Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phạm Quốc Thắng - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC: Xem phần Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Vĩnh Phước - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC: Xem phần Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Đại

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Năm sinh: 1972 - Thạc sĩ Kỹ thuật

Ông Nguyễn Văn Đại từng công tác tại Công ty thép Nhà Bè, Công ty Liên doanh Vingal, Công ty Nam Hà Việt, Nhà máy thép Phú Mỹ, Công ty Thép miền Nam, Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất, Công ty TNHH MTV thép tấm lá Phú Mỹ. Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ 12/2019 đến nay



Bà Trần Lệ Xuân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1983 - Cử nhân Kế toán

Bà Trần Lệ Xuân từng công tác tại Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang và Công ty TNHH Minh Nguyên. Bà gia nhập Tôn Đông Á từ năm 2011 và trở thành Kế toán trưởng Công ty từ 2018 đến nay



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021: **418.800.000 đồng** (đã chi)

Căn cứ NQĐHĐCĐ 04/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA mức trích lập chi phí HĐQT, BKS, BTK tối đa 2% lợi nhuận sau thuế 2021.

Mức trích lập chi phí HĐQT năm 2021 = 0,5%*LNST = **5.898.847.494 đồng**



ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▶ Trong năm qua, HĐQT đã tổ chức họp và phân công từng nhiệm vụ đến từng thành viên trong HĐQT theo từng mảng công việc cụ thể để chỉ đạo, theo sát công tác triển khai các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.
- ▶ Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đã được ban điều hành triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các phòng ban/bộ phận chức năng trong Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị công ty giao cho. Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng và tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty, các quy định khác của Nhà nước. Phát huy được tối đa trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có cũng như tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng lòng đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.
- ▶ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn tìm tòi, nghiên cứu, đề xuất đổi mới mô hình hoạt động phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Đặc biệt, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng không ít đến kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, BTGD Công ty đã nhanh chóng điều chỉnh định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như phương án tổ chức “3 tại chỗ” trong công ty cùng với các chính sách khích lệ tinh thần làm việc của CB-CNV từ đó giúp CB-CNV yên tâm sản xuất, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, đảm bảo việc làm cho người lao động.
- ▶ Trong năm 2021, HĐQT cũng đã chỉ đạo kịp thời và triển khai thành công xin cấp giấy phép phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
- ▶ Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.
- ▶ Trong quyền hạn và nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như phối hợp với HĐQT và bộ máy điều hành trong Công ty thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết đã được ban hành.

Phần VI

Báo cáo phát triển bền vững

Mô hình Phát triển bền vững

Môi trường

Người lao động

Xã hội



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với tôn chỉ hoạt động “Cùng xây cuộc sống xanh”, Tôn Đông Á hiểu rõ trách nhiệm của một doanh nghiệp lớn về sản xuất vật liệu xây dựng nguồn đối với các mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển bền vững mang lại giá trị thực sự cho không chỉ cổ đông, khách hàng, đối tác mà còn cho người lao động, xã hội - môi trường, cộng đồng địa phương và còn đóng góp cho sự thịnh vượng của đất nước. Trên cơ sở đó, các kế hoạch hành động của Công ty được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.

Hội đồng quản trị

Định hướng chiến lược phát triển bền vững chung cho toàn bộ Công ty
Các chương trình hành động chung



Ban Tổng Giám đốc

Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty
Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động



Các bộ phận, phòng ban chức năng, nhà máy

Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.

Triển khai, hướng dẫn các công ty con thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt.



MÔI TRƯỜNG

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Công ty đã đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ (lựa chọn công nghệ tiêu hao ít nhiên liệu, năng lượng, phát thải ít, thân thiện với môi trường, nâng cao tuổi thọ thiết bị, rút ngắn chu kỳ tạo sản phẩm...). Sử dụng công nghệ ít tiêu hao: tái sinh acid 99% (giảm acid thải ra môi trường), lò NOF (tái sử dụng nhiệt, thu hồi nhiệt), sử dụng điện tái sinh (hệ thống DC BUS), sử dụng hơi nóng 100% từ hệ thống nồi hơi Biomass

Công ty sử dụng nhiên liệu sạch và tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Thay đổi nhiên liệu (từ dùng than sang dùng khí sạch CNG) và tăng cường sử dụng năng lượng có hiệu quả (sử dụng nhiệt dư, khí dư tái tạo năng lượng, bố trí hợp lý các thiết bị truyền động...).

► Cải tiến dây chuyền PO, đạt hiệu quả sau cải tiến: Tăng sản lượng 120 tấn / ngày và 3,360 tấn / tháng. Tiết kiệm chi phí.

► Giải pháp cho dây chuyền CK4: góp phần lớn vào việc ổn định sản xuất cho dây chuyền CK4, hiệu quả, tiết kiệm được chi phí sản xuất. Góp phần lớn vào việc ổn định sản xuất cho dây chuyền CK4

► Cải tiến máy sơn chuyển màu 4 -Tiết kiệm chi phí

► Cải tiến Chuyển Màu 2: Kết cấu thiết bị sau cải tiến nhìn thẩm mỹ, thông thoáng, thuận lợi để kiểm tra CLSP, thực hiện 5S, bảo trì bảo dưỡng TBMM, giảm thời gian dừng máy 50% khi thay trục khu vực này. Giảm thời gian

dừng máy 50% khi thay trục khu vực này. Giải nhiệt bằng tôn tốt hơn sau cải tiến, nhiệt độ đo được khi quấn cuộn thành phẩm

► - Cải tiến tủ điện ARP. Giảm được 84.72% thời gian dừng máy ở ARP. Tăng 32% lượng axit tái sinh. Giảm 15% lượng tiêu hao axit tươi

► - Tối ưu hiệu suất làm việc của béc đốt gián tiếp của lò NOF CK5, CK6. giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và sản lượng của dây chuyền

► - Cải thiện chất lượng không khí bên trong nhà xưởng, giảm ô nhiễm, giảm tần suất sự cố lỗi vận hành máy sơn, giảm thời gian thay sơn, thay trục. Cải thiện chất lượng không khí bên trong nhà xưởng, giảm ô nhiễm, giảm tần suất sự cố lỗi vận hành máy sơn, giảm thời gian thay sơn, thay trục.


► - Công ty đã trồng nhiều cây xanh nhằm giảm nhiệt lượng và hấp thụ một phần khí CO2 thải ra



TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI CÁC SẢN PHẨM CỦA TÔN ĐÔNG Á TRONG NĂM 2021

| Nguyên nhiên liệu | ĐVT | Khối lượng sử dụng trong năm |
|----------------------------|-----------------|------------------------------|
| Thép cán nóng-HRC | Tấn | 685.192 |
| Thép cán nguội-CRC | Tấn | 617.338 |
| Tôn đen nguyên liệu-CRC | Tấn | 804.237 |
| Hợp kim nhôm-kẽm | Kg | 19.270.198 |
| Antifinger | Kg | 1.060.241 |
| Amoniac (NH ₃) | Kg | 1.786.181 |
| Sud (NaOH) | Kg | 1.697.605 |
| Dầu cán | Lít | 276.810 |
| Gas (CNG) | Sm ³ | 25.405.724 |
| HCL 32% | Kg | 8.863.893 |
| Nitơ lỏng | Kg | 1.136.874 |

TỈ LỆ PHẦN TRĂM NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH CỦA TỔ CHỨC

 Tái sử dụng acid HCl: lượng acid tái sử dụng khoảng 65% lượng thải ra


NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

| Nguyên nhiên liệu | ĐVT | Khối lượng sử dụng trong năm |
|-------------------|-----|------------------------------|
| Biomass | Kg | 77.945.361 |
| Dầu DO | Lít | 184.637 |
| Điện | Kwh | 164.978.700 |


NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

 Tổng năng lượng tiết kiệm 2%/ năm

SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

 Thay đổi khoảng hơn 90% thiết bị chiếu sáng bằng sợi tóc, huỳnh quang sang sử dụng bóng đèn chiếu sáng LED
Quy định sử dụng máy lạnh: Cài đặt nhiệt độ từ 26-28 °C

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG:

 Nguồn nước cấp do CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG cung cấp
Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2021 là 831,030 m³

TỶ LỆ PHẦN TRĂM VÀ TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG

 Tái sử dụng khoảng 30% lượng nước từ hệ thống lọc nước RO thông qua hệ thống xả đáy (Drain) => Chiếm 11,5% tổng lượng nước toàn nhà máy



NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CNV làm việc tại xưởng sản xuất luôn được cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hoặc mới nhận việc (Quần áo, giày, nón bảo hộ, nút chông ồn, khẩu trang hoạt tính, v.v.v) để đảm bảo an toàn khi làm việc

Môi trường làm việc luôn được theo dõi đo kiểm định kỳ và đảm bảo cho người lao động làm việc an toàn

Đối với người làm việc trong môi trường năng nhọc, độc hại sẽ được cấp phát sữa hằng ngày

Khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật cho công nhân viên

Công ty có trang bị máy lọc nước tại mỗi xưởng làm việc để người lao động sử dụng. Máy lọc được theo dõi và phân tích mẫu nước theo các thông số quy định định kỳ.



XÃ HỘI

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển 24 năm qua, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Hỗ trợ kinh phí xây cầu đường; trao học bổng cho trẻ em nghèo, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; hỗ trợ tôn lợp nhà và nhiều tài trợ ý nghĩa khác.

Tổng số tiền Tôn Đông Á tài trợ cho các hoạt động xã hội tính đến ngày 11/01/2022 hơn **35 tỷ đồng**, tài trợ cho các Quỹ ban ngành như: Hội Chữ Thập Đỏ Tỉnh Bình Dương, Quỹ Bảo Trợ Trẻ Em Tỉnh Bình Dương, Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam, Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM, Ủy Ban MTTQ tỉnh Thừa Thiên Huế, Quỹ Nam Phương, Quỹ Giáo Dục Huế Hiếu Học

Một số hoạt động nổi bật của Tôn Đông Á trong năm 2021 như: Ủng hộ người dân khu vực cách ly phong tỏa vì dịch bệnh Covid-19 tại Huế, tài trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương, trao học bổng cho học sinh, sinh viên vượt khó, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn lần thứ XX - 2021, tài trợ trang thiết bị, máy móc, vật tư xây dựng cho các cơ sở, bệnh viện điều trị bệnh nhân Covid-19, ủng hộ chi phí mua vắc xin phòng chống Covid-19, tài trợ chiến dịch Mùa hè xanh của Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM.



Phần VII

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 6 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10 - 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 12 - 44 |

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và tại Tầng M, Lô 52-53, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Trung | Chủ tịch | |
| Bà Lê Thị Phương Loan | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên | |
| Ông Hồ Song Ngọc | Thành viên | |
| Ông Phạm Quốc Thắng | Thành viên | |
| Ông Đoàn Vĩnh Phước | Thành viên | |
| Ông Ngô Văn Sinh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Đoàn Danh Tuấn | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2021 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Lê Thị Khoa Nguyên | Trưởng ban | |
| Ông Nguyễn Năng Tín | Thành viên | |
| Bà Lâm Duy Thùy Linh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hữu Phương | Thành viên | miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà | Thành viên | bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2022 |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Trung | Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021 |
| Ông Hồ Song Ngọc | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021 |
| | Phó Tổng Giám đốc | đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Phạm Quốc Thắng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Đoàn Vĩnh Phước | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Văn Đại | Phó Tổng Giám đốc | |

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|------------------------|-----------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Trung | |
| Ông Hồ Song Ngọc | từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Nguyễn Thanh Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2022



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60947064/22636838-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Phạm Xuân Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4639-2018-004-1

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 9.281.096.575.225 | 5.036.657.221.748 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 544.359.213.855 | 378.657.564.474 |
| 111 | 1. Tiền | | 534.359.213.855 | 309.997.564.474 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 10.000.000.000 | 68.660.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 1.625.388.572.810 | 658.753.835.617 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 1.625.388.572.810 | 658.753.835.617 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.519.798.372.050 | 1.583.841.704.428 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 2.483.985.081.194 | 1.449.401.931.983 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 3.912.099.028 | 37.663.042.416 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 9 | 3.000.000.000 | 71.505.074.350 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 32.587.198.050 | 25.271.655.679 |
| 137 | 5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 6 | (3.686.006.222) | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 10 | 4.427.016.921.200 | 2.326.448.345.440 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 4.434.799.955.276 | 2.326.678.164.927 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (7.783.034.076) | (229.819.487) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 164.533.495.310 | 88.955.771.789 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 11 | 20.090.591.278 | 22.077.696.568 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 143.668.166.502 | 66.857.077.626 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17 | 774.737.530 | 20.997.595 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--------------------------------------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 3.367.017.393.491 | 3.296.898.249.448 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 4.866.634.839 | 4.922.863.997 |
| 212 | 1. Trả trước cho người bán dài hạn | | 6.435.000 | 6.435.000 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | 8 | 4.860.199.839 | 4.916.428.997 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 2.834.481.743.681 | 2.932.849.004.090 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 2.653.239.549.657 | 2.891.803.914.080 |
| 222 | Nguyên giá | | 4.522.858.473.234 | 4.451.889.315.882 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (1.869.618.923.577) | (1.560.085.401.802) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 13 | 60.790.524.962 | 35.598.306.514 |
| 225 | Nguyên giá | | 71.066.232.074 | 41.077.210.210 |
| 226 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (10.275.707.112) | (5.478.903.696) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 14 | 120.451.669.062 | 5.446.783.496 |
| 228 | Nguyên giá | | 133.446.924.227 | 16.287.924.227 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (12.995.255.165) | (10.841.140.731) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 3.106.220.920 | 31.596.386.617 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 3.106.220.920 | 31.596.386.617 |
| 250 | IV. Đầu tư tài chính dài hạn | | 199.640.000.000 | - |
| 255 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 199.640.000.000 | - |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 324.922.794.051 | 327.529.994.744 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 11 | 320.043.014.552 | 325.123.688.828 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 30.3 | 4.879.779.499 | 2.406.305.916 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 12.648.113.968.716 | 8.333.555.471.196 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|---------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 9.196.195.607.377 | 5.910.793.431.339 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 8.745.065.889.510 | 5.156.605.372.301 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 2.351.948.262.818 | 1.476.176.865.317 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 58.613.953.961 | 109.005.906.652 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 108.732.468.433 | 61.663.929.112 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 37.664.949.438 | 35.853.600.322 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 6.448.994.814 | 7.434.956.076 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 18 | 2.336.109.350.656 | 800.812.054.729 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 20 | 3.827.537.623.323 | 2.657.851.114.096 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 19 | 18.010.286.067 | 7.806.945.997 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 451.129.717.867 | 754.188.059.038 |
| 331 | 1. Phải trả người bán dài hạn | 15 | - | 5.336.176.444 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 20 | 451.129.717.867 | 693.166.218.632 |
| 339 | 3. Trái phiếu chuyển đổi | 21 | - | 55.685.663.962 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 3.451.918.361.339 | 2.422.762.039.857 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22.1 | 3.451.918.361.339 | 2.422.762.039.857 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 1.023.228.290.000 | 975.098.260.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.023.228.290.000 | 975.098.260.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 464.371.374.500 | 464.371.374.500 |
| 413 | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | | 1.931.977.742 | 1.931.977.742 |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 3.430.602.730 | 3.430.602.730 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 1.958.956.116.367 | 977.929.824.885 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 749.147.894.987 | 693.733.996.737 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 1.209.808.221.380 | 284.195.828.148 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 12.648.113.968.716 | 8.333.555.471.196 |

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.1 | 25.301.792.525.112 | 12.437.878.102.516 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 23.1 | (40.045.823.010) | (76.922.638.092) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.1 | 25.261.746.702.102 | 12.360.955.464.424 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 24 | (22.470.011.823.491) | (11.450.014.429.109) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 2.791.734.878.611 | 910.941.035.315 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23.2 | 266.480.216.770 | 94.685.893.590 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 25 | (258.302.956.413) | (270.956.045.097) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (205.600.480.772) | (258.566.193.716) |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 26 | (1.211.896.445.856) | (292.261.889.647) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 | (109.191.988.516) | (97.457.596.496) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 1.478.823.704.596 | 344.951.397.665 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 29 | 31.127.132.696 | 11.899.721.445 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 29 | (6.454.829.353) | (9.263.545.599) |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | 29 | 24.672.303.343 | 2.636.175.846 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 1.503.496.007.939 | 347.587.573.511 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 30.1 | (296.161.260.142) | (62.031.025.787) |
| 52 | 16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 30.3 | 2.473.473.583 | 503.365.165 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 1.209.808.221.380 | 286.059.912.889 |
| 61 | 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 1.209.808.221.380 | 286.059.912.889 |
| 70 | 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 31 | 10.089 | 2.699 |
| 71 | 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 31 | 9.879 | 2.627 |

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|---------------------|---------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 1.503.496.007.939 | 347.587.573.511 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 12, 13, 14 | 342.190.818.776 | 336.421.429.526 |
| 03 | Trích lập (hoàn nhập) dự phòng | | 11.239.220.811 | (1.664.771.421) |
| 04 | Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 11.496.702.418 | (1.656.721.431) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (75.190.232.690) | (49.989.832.342) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 25 | 205.600.480.772 | 258.566.193.716 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 1.998.832.998.026 | 889.263.871.559 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (1.054.489.267.253) | (316.231.212.696) |
| 10 | (Tăng) giảm hàng tồn kho | | (2.108.121.790.349) | 565.302.586.222 |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 2.321.743.232.372 | 368.958.479.543 |
| 12 | Giảm (tăng) chi phí trả trước | | 7.067.779.566 | (6.748.560.925) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (206.470.499.890) | (262.962.158.243) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 17 | (269.431.930.077) | (32.094.848.032) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (23.662.699.787) | (10.835.792.307) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 665.467.822.608 | 1.194.652.365.121 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") | | (213.120.304.623) | (75.073.511.137) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý TSCĐ | | 17.685.681.287 | 5.103.184.615 |
| 23 | Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay | | (3.031.828.572.810) | (1.539.549.452.054) |
| 24 | Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay | | 1.934.058.909.967 | 1.143.212.542.087 |
| 27 | Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay | | 72.189.860.746 | 49.906.278.740 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (1.221.014.425.433) | (416.400.957.749) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|------------------------|--------------------------|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | 21.335.350.000 | - |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 20 | 17.158.348.125.451 | 7.693.424.593.516 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 20 | (16.266.351.891.883) | (8.265.197.800.100) |
| 35 | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (23.243.034.068) | (13.945.863.696) |
| 36 | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | 22.2 | (168.087.660.000) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính | | 722.000.889.500 | (585.719.070.280) |
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | | 166.454.286.675 | 192.532.337.092 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 378.657.564.474 | 186.128.945.136 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (752.637.294) | (3.717.754) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 544.359.213.855 | 378.657.564.474 |

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kéo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và tại Tầng M, Lô 52-53, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.460 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.445 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

| Tên công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Tình trạng hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) | |
|--|--|----------------------|------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh | Mua bán thép các loại | Đang hoạt động | 100 | 100 |
| 2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng | Sản xuất ống thép hộp, mua bán thép các loại | Đang hoạt động | 100 | 100 |
| 3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An | Sản xuất ống thép hộp, mua bán thép các loại | Đang hoạt động | 100 | 100 |
| 4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | Đang hoạt động | 100 | 100 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 5 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 - 8 năm |

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Tuy nhiên, các hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chiếm không trọng yếu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề sản xuất sắt, thép, gang và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 275.126.697 | 7.126.682.302 |
| Tiền gửi ngân hàng | 534.084.087.158 | 302.870.882.172 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 10.000.000.000 | 68.660.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 544.359.213.855 | 378.657.564.474 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất là 3,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 1.625.388.572.810 | 658.753.835.617 |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 1.215.389.000.000 | 343.400.000.000 |
| Trái phiếu (**) | 409.999.572.810 | 315.353.835.617 |
| Dài hạn | 199.640.000.000 | - |
| Trái phiếu (**) | 199.640.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 1.825.028.572.810 | 658.753.835.617 |

(*) Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4% tới 6,5% một năm.

(**) Số dư cuối năm thể hiện khoản đầu tư vào các trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất tham chiếu từ 5,5%/năm đến 9,0%/năm. Các trái phiếu này được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được tự do chuyển nhượng và được phân loại dựa trên thời điểm mà Nhóm Công ty dự kiến chuyển nhượng.

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu nêu trên để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | VND | |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| JFE Shoji America, LLC | 487.519.007.805 | 7.093.340.715 |
| Khác | 1.996.466.073.389 | 1.442.308.591.268 |
| TỔNG CỘNG | 2.483.985.081.194 | 1.449.401.931.983 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (3.686.006.222) | - |
| GIÁ TRỊ THUẬN | 2.480.299.074.972 | 1.449.401.931.983 |

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần phải thu ngắn hạn của khách hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | VND | |
|------------------------------------|---------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Số đầu năm | - | - |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 3.686.006.222 | - |
| Số cuối năm | 3.686.006.222 | - |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản New Land Korea Zinc Company Ltd. ONSAN Complex | 800.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Quảng cáo Á Đông | - | 13.813.918.963 |
| Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Phát | - | 7.154.300.250 |
| Khác | 3.112.099.028 | 6.733.792.245 |
| TỔNG CỘNG | 3.912.099.028 | 37.663.042.416 |

8. PHẢI THU KHÁC

| | VND | |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 32.587.198.050 | 25.271.655.679 |
| Ký quỹ, ký cược | 23.179.137.499 | 14.494.691.874 |
| Phải thu chi hộ | 5.284.220.298 | 7.521.525.502 |
| Khác | 4.123.840.253 | 3.255.438.303 |
| Dài hạn | 4.860.199.839 | 4.916.428.997 |
| Ký quỹ, ký cược | 4.860.199.839 | 4.916.428.997 |
| TỔNG CỘNG | 37.447.397.889 | 30.188.084.676 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | VND | |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Huế (*) | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật | - | 68.505.074.350 |
| TỔNG CỘNG | 3.000.000.000 | 71.505.074.350 |

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Huế vay tín chấp theo hợp đồng cho vay số 12/2020/HĐCV/TĐA ngày 2 tháng 12 năm 2020 và phụ lục ngày 2 tháng 12 năm 2021, với thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày phụ lục gia hạn và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

10. HÀNG TỒN KHO

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Thành phẩm | 1.755.028.614.220 | 935.052.648.693 |
| Hàng đang đi trên đường | 967.376.000.446 | 121.666.082.446 |
| Nguyên vật liệu | 932.342.153.557 | 945.812.737.104 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Bán thành phẩm | 684.134.861.530 | 219.308.899.412 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 44.980.566.686 | 44.617.747.029 |
| Hàng hóa | 43.854.158.798 | 56.113.200.372 |
| Công cụ, dụng cụ | 7.083.600.039 | 4.106.849.871 |
| TỔNG CỘNG | 4.434.799.955.276 | 2.326.678.164.927 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (7.783.034.076) | (229.819.487) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 4.427.016.921.200 | 2.326.448.345.440 |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Nhóm Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | VND | |
|------------------------------------|---------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 229.819.487 | 1.894.590.908 |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 7.783.034.076 | 229.819.487 |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm | (229.819.487) | (1.894.590.908) |
| Số cuối năm | 7.783.034.076 | 229.819.487 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | VND | |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 20.090.591.278 | 22.077.696.568 |
| Công cụ, dụng cụ đang dùng | 14.157.268.292 | 13.525.767.277 |
| Chi phí làm bảng quảng cáo | 1.618.907.789 | 4.253.981.274 |
| Khác | 4.314.415.197 | 4.297.948.017 |
| Dài hạn | 320.043.014.552 | 325.123.688.828 |
| Tiền thuê đất trả trước (*) | 212.847.099.673 | 228.190.262.417 |
| Công cụ, dụng cụ đang dùng | 52.226.764.563 | 50.347.420.018 |
| Chi phí làm bảng quảng cáo | 41.347.988.845 | 28.379.330.232 |
| Chi phí bảo trì bảo dưỡng | 8.666.766.573 | 9.219.269.260 |
| Khác | 4.954.394.898 | 8.987.406.901 |
| TỔNG CỘNG | 340.133.605.830 | 347.201.385.396 |

(*) Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

| | <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc thiết bị</i> | <i>Phương tiện vận tải</i> | <i>Thiết bị văn phòng</i> | <i>Khác</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|--|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 769.216.407.836 | 3.449.704.921.702 | 217.415.827.440 | 15.205.275.279 | 346.883.625 | 4.451.889.315.882 |
| Mua trong năm | 17.931.000.000 | 6.913.531.605 | 14.172.635.560 | 264.079.000 | - | 39.281.246.165 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 10.772.382.152 | 42.959.999.549 | 8.656.733.899 | 1.598.783.200 | - | 63.987.898.800 |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | - | - | 5.559.149.947 | - | - | 5.559.149.947 |
| Thanh lý | - | (378.183.355) | (39.621.399.588) | - | - | (39.999.582.943) |
| Khác | 1.030.175.454 | 993.267.999 | 117.001.930 | - | - | 2.140.445.383 |
| Số cuối năm | 798.949.965.442 | 3.500.193.537.500 | 206.299.949.188 | 17.068.137.479 | 346.883.625 | 4.522.858.473.234 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | <i>21.491.622.692</i> | <i>292.845.032.869</i> | <i>10.733.013.753</i> | <i>8.886.164.238</i> | <i>-</i> | <i>333.955.833.552</i> |
| <i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)</i> | <i>527.154.362.120</i> | <i>1.841.963.683.191</i> | <i>67.256.078.105</i> | <i>2.580.011.611</i> | <i>-</i> | <i>2.438.954.135.027</i> |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Số đầu năm | 139.192.367.028 | 1.312.049.256.804 | 96.738.208.592 | 12.001.504.292 | 104.065.086 | 1.560.085.401.802 |
| Khấu hao trong năm | 35.228.324.959 | 273.858.301.420 | 22.499.737.065 | 1.858.408.661 | 34.688.362 | 333.479.460.467 |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | - | - | 1.669.990.592 | - | - | 1.669.990.592 |
| Thanh lý | - | (378.183.355) | (25.328.195.796) | - | - | (25.706.379.151) |
| Khác | - | (215.428.908) | 305.878.775 | - | - | 90.449.867 |
| Số cuối năm | 174.420.691.987 | 1.585.313.945.961 | 95.885.619.228 | 13.859.912.953 | 138.753.448 | 1.869.618.923.577 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 630.024.040.808 | 2.137.655.664.898 | 120.677.618.848 | 3.203.770.987 | 242.818.539 | 2.891.803.914.080 |
| Số cuối năm | 624.529.273.455 | 1.914.879.591.539 | 110.414.329.960 | 3.208.224.526 | 208.130.177 | 2.653.239.549.657 |

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | VND | | |
|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | <i>Máy móc và thiết bị</i> | <i>Phương tiện vận tải</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá: | | | |
| Số đầu năm | 3.620.400.000 | 37.456.810.210 | 41.077.210.210 |
| Thuê trong năm | - | 35.538.481.811 | 35.538.481.811 |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | - | (4.668.529.075) | (4.668.529.075) |
| Phân loại lại | - | (880.930.872) | (880.930.872) |
| Số cuối năm | <u>3.620.400.000</u> | <u>67.445.832.074</u> | <u>71.066.232.074</u> |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | |
| Số đầu năm | 454.536.494 | 5.024.367.202 | 5.478.903.696 |
| Khấu hao trong năm | 359.305.481 | 6.413.367.302 | 6.772.672.783 |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | - | (1.975.869.367) | (1.975.869.367) |
| Số cuối năm | <u>813.841.975</u> | <u>9.461.865.137</u> | <u>10.275.707.112</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số đầu năm | <u>3.165.863.506</u> | <u>32.432.443.008</u> | <u>35.598.306.514</u> |
| Số cuối năm | <u>2.806.558.025</u> | <u>57.983.966.937</u> | <u>60.790.524.962</u> |

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | VND | | |
|--------------------------------|--------------------------|------------------------------|------------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm máy tính</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá: | | | |
| Số đầu năm | - | 16.287.924.227 | 16.287.924.227 |
| Mua trong năm | 116.854.000.000 | 305.000.000 | 117.159.000.000 |
| Số cuối năm | <u>116.854.000.000</u> | <u>16.592.924.227</u> | <u>133.446.924.227</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã hao mòn hết</i> | - | 181.088.456 | 181.088.456 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Số đầu năm | - | 10.841.140.731 | 10.841.140.731 |
| Hao mòn trong năm | - | 2.154.114.434 | 2.154.114.434 |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>12.995.255.165</u> | <u>12.995.255.165</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số đầu năm | <u>-</u> | <u>5.446.783.496</u> | <u>5.446.783.496</u> |
| Số cuối năm | <u>116.854.000.000</u> | <u>3.597.669.062</u> | <u>120.451.669.062</u> |

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | VND | |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Ngắn hạn | 2.351.948.262.818 | 1.476.176.865.317 |
| Phải trả cho người bán | 2.342.820.262.818 | 1.476.176.865.317 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam | 1.236.237.983.623 | 766.173.774.282 |
| - JFE Shoji Corporation | 436.911.814.054 | 89.101.058.446 |
| - Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam | 133.683.749.470 | 147.659.814.848 |
| - Khác | 535.986.715.671 | 473.242.217.741 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 9.128.000.000 | - |
| Dài hạn | - | 5.336.176.444 |
| Astec Engineering Gmbh | - | 3.785.855.492 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Khang Việt | - | 1.186.205.146 |
| Khác | - | 364.115.806 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.351.948.262.818</u> | <u>1.481.513.041.761</u> |

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | VND | |
|------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số cuối năm</i> |
| Gramperfil S.A | 17.780.080.988 | 29.163.658.275 |
| PT. Kepuh Kencana Arum | 1.273.601.728 | 19.803.192.081 |
| SNP Limited | - | 14.859.413.129 |
| Khác | 39.560.271.245 | 45.179.643.167 |
| TỔNG CỘNG | <u>58.613.953.961</u> | <u>109.005.906.652</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VND | | | |
|----------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
| Phải thu | | | | |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 66.857.077.626 | 2.465.899.778.369 | (2.389.088.689.489) | 143.668.166.502 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 767.717.530 | - | 767.717.530 |
| Khác | 20.997.595 | 126.970.768 | (140.948.363) | 7.020.000 |
| TỔNG CỘNG | 66.878.075.221 | 2.466.794.466.667 | (2.389.229.637.852) | 144.442.904.032 |
| Phải trả | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 40.210.805.850 | 296.928.977.672 | (269.431.930.077) | 67.707.853.445 |
| Thuế GTGT | 20.328.164.307 | 2.243.335.224.429 | (2.224.265.427.643) | 39.397.961.093 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 951.193.302 | 18.929.417.794 | (18.484.439.265) | 1.396.171.831 |
| Thuế nhập khẩu | 173.765.653 | 1.251.778.143 | (1.218.718.310) | 206.825.486 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 565.501.726 | (541.845.148) | 23.656.578 |
| TỔNG CỘNG | 61.663.929.112 | 2.561.010.899.764 | (2.513.942.360.443) | 108.732.468.433 |

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|-----------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| UPAS L/C (*) | 1.965.096.402.967 | 797.653.361.871 |
| Chiết khấu bộ chứng từ (**) | 368.152.785.550 | - |
| Quảng cáo | 938.102.030 | 690.363.638 |
| Khác | 1.922.060.109 | 2.468.329.220 |
| TỔNG CỘNG | 2.336.109.350.656 | 800.812.054.729 |

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

(**) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc bán hàng hóa và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức chiết khấu thanh toán trước được phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | VND | |
|---|------------------|------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 18.010.286.067 | 7.806.945.997 |
| <i>Chi tiết tăng (giảm) quỹ khen thưởng phúc lợi:</i> | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 7.806.945.997 | 16.414.317.891 |
| Cộng: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 33.866.039.857 | 2.228.420.413 |
| Trừ: Sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi | (23.662.699.787) | (10.835.792.307) |
| Số cuối năm | 18.010.286.067 | 7.806.945.997 |

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 3.827.537.623.323 | 2.657.851.114.096 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 3.771.851.959.361 | 2.657.851.114.096 |
| - Vay ngân hàng (i) | 3.226.726.809.906 | 2.326.880.617.895 |
| - Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (ii) | 293.828.324.797 | 318.667.989.540 |
| - Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (iv) | 237.096.000.000 | - |
| - Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (iii) | 14.200.824.658 | 12.302.506.661 |
| Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 21) | 55.685.663.962 | - |
| Dài hạn | 451.129.717.867 | 693.166.218.632 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 451.129.717.867 | 693.166.218.632 |
| - Vay ngân hàng (ii) | 383.615.243.818 | 678.778.392.518 |
| - Vay các bên liên quan (iv) (Thuyết minh số 32) | 38.300.000.000 | - |
| - Nợ thuế tài chính (iii) | 29.214.474.049 | 14.387.826.114 |
| TỔNG CỘNG | 4.278.667.341.190 | 3.351.017.332.728 |

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Phân loại lại | Đánh giá lại | VND Số cuối năm |
|---|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn | 2.657.851.114.096 | 16.807.790.587.007 | (16.253.975.319.364) | 556.974.432.622 | 3.211.145.000 | 3.771.851.959.361 |
| Vay ngân hàng | 2.326.880.617.895 | 16.807.790.587.007 | (15.911.155.539.996) | - | 3.211.145.000 | 3.226.726.809.906 |
| Vay ngắn hạn - VND | 1.221.986.806.886 | 11.340.074.686.091 | (9.755.377.798.071) | - | - | 2.806.683.694.906 |
| Vay ngắn hạn - USD | 1.104.893.811.009 | 5.467.715.900.916 | (6.155.777.741.925) | - | 3.211.145.000 | 420.043.115.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 318.667.989.540 | - | (319.576.745.300) | 531.833.080.557 | - | 530.924.324.797 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 12.302.506.661 | - | (23.243.034.068) | 25.141.352.065 | - | 14.200.824.658 |
| Vay dài hạn | 693.166.218.632 | 350.557.538.444 | (35.619.606.587) | (556.974.432.622) | - | 451.129.717.867 |
| Vay ngân hàng | 678.778.392.518 | 27.168.538.444 | (27.594.606.587) | (294.737.080.557) | - | 383.615.243.818 |
| Nợ thuê tài chính | 14.387.826.114 | 39.968.000.000 | - | (25.141.352.065) | - | 29.214.474.049 |
| Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 32) | - | 283.421.000.000 | (8.025.000.000) | (237.096.000.000) | - | 38.300.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 3.351.017.332.728 | 17.158.348.125.451 | (16.289.594.925.951) | - | 3.211.145.000 | 4.222.981.677.228 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) *Vay ngắn hạn từ các ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay này từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

| <i>Ngân hàng</i> | <i>Số cuối năm (VND)</i> | <i>Nguyên tệ (USD)</i> | <i>Kỳ hạn thanh toán</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
|---|------------------------------|----------------------------|--|--|
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (“Vietinbank DSG”)</i> | | | | |
| Khoản vay 1 | 1.570.766.515.435 | - | 5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Hàng tồn kho, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (“BIDV”)</i> | | | | |
| Khoản vay 1 | 1.227.021.913.796 | - | 5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Hàng tồn kho, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu |
| Khoản vay 2 | 264.131.840.000 | 11.504.000 | 5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Dương (“MBbank”)</i> | | | | |
| Khoản vay 1 | 155.911.275.000 | 6.795.000 | Từ 5 đến 12 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Hàng tồn kho |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) *Vay ngắn hạn từ các ngân hàng* (tiếp theo)

Công ty vay các khoản vay này từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

| <i>Ngân hàng</i> | <i>Số cuối năm</i> <i>(VND)</i> | <i>Nguyên tệ</i> <i>(USD)</i> | <i>Kỳ hạn thanh toán</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
|--|------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (“VCB”)</i> | | | | |
| Khoản vay 1 | 4.895.265.675 | - | 5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Phương tiện vận tải |
| <i>Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên United Overseas Bank Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (“UOB”)</i> | | | | |
| Khoản vay 1 | 4.000.000.000 | - | 4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Bảo lãnh bằng tài sản cá nhân của Ông Nguyễn Thanh Trung - Chủ tịch HĐQT |
| TỔNG CỘNG | <u>3.226.726.809.906</u> | <u>18.299.000</u> | | |

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 1,7%/năm đến 7,5%/năm và bằng USD là từ 1,95%/năm đến 2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) *Vay dài hạn từ các ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay này từ các ngân hàng để mua máy móc và thiết bị. Chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm | | | Kỳ hạn thanh toán | Hình thức đảm bảo |
|--|-------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------------------|--|
| | Vay dài hạn đến hạn trả (VND) | Vay dài hạn (VND) | Tổng cộng (VND) | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (“Vietinbank DSG”) | | | | | |
| Khoản vay 1 | 78.636.000.000 | 38.472.227.433 | 117.108.227.433 | 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị |
| Khoản vay 2 | 52.298.760.000 | 130.792.720.116 | 183.091.480.116 | 108 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị |
| Khoản vay 3 | 24.318.298.017 | 33.012.409 | 24.351.310.426 | 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Bảo lãnh bằng tài sản cá nhân của Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Thành viên HĐQT và Ông Nguyễn Thanh Trung - Chủ tịch HĐQT |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) *Vay dài hạn từ các ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty vay các khoản vay này từ các ngân hàng để mua máy móc và thiết bị. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng | Số cuối năm | | | Kỳ hạn thanh toán | Hình thức đảm bảo |
|--|-------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|--|
| | Vay dài hạn đến hạn trả (VND) | Vay dài hạn (VND) | Tổng cộng (VND) | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành | | | | | |
| Khoản vay 1 | 4.375.266.780 | 22.793.271.664 | 27.168.538.444 | 72 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Thửa đất số 2, địa chỉ đường số 7 và số 10 KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng với diện tích 19.107,4 m ² ; và máy móc hình thành trong tương lai từ các khoản vay |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình | | | | | |
| Khoản vay 1 | 39.400.000.000 | 49.303.486.529 | 88.703.486.529 | 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | Toàn bộ tài sản hình thành từ dây chuyền CK6 và dây chuyền CM4 của Công ty; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất |
| Khoản vay 2 | 94.800.000.000 | 142.220.525.667 | 237.020.525.667 | 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | |
| TỔNG CỘNG | 293.828.324.797 | 383.615.243.818 | 677.443.568.615 | | |

Lãi suất cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 9,1% đến 11,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | | VND |
|------------------|---|----------------------|-----------------------|---|----------------------|-----------------------|-----|
| | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính | Lãi thuê tài chính | Nợ gốc | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính | Lãi thuê tài chính | Nợ gốc | |
| Dưới 1 năm | 16.923.776.500 | 2.722.951.842 | 14.200.824.658 | 13.826.246.095 | 1.523.739.434 | 12.302.506.661 | |
| Từ 1 - 5 năm | 33.025.548.812 | 3.811.074.763 | 29.214.474.049 | 15.445.607.189 | 1.057.781.075 | 14.387.826.114 | |
| TỔNG CỘNG | 49.949.325.312 | 6.534.026.605 | 43.415.298.707 | 29.271.853.284 | 2.581.520.509 | 26.690.332.775 | |

(iv) Vay dài hạn từ các bên liên quan

| Bên cho vay | Số cuối năm | Kỳ hạn thanh toán | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo | VND |
|--------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------|-------------------|-----|
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | 251.796.000.000 | 24 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | 6,4 – 7,0 | Tín chấp | |
| Bà Lê Thị Phương Loan | 23.600.000.000 | 24 tháng kể từ ngày nhận nợ vay | 7,0 | Tín chấp | |
| TỔNG CỘNG | 275.396.000.000 | | | | |
| Trong đó: | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 237.096.000.000 | | | | |
| Vay dài hạn | 38.300.000.000 | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

| | <i>Thời điểm phát hành</i> (năm) | <i>Kỳ hạn</i> | <i>Số lượng trái phiếu</i> | <i>Mệnh giá</i> (VND) | <i>Lãi suất danh nghĩa</i> (%/năm) | <i>Lãi suất chiết khấu</i> (%/năm) | <i>Cấu phần vốn (Thuyết minh số 22.1)</i> (VND) | <i>Cấu phần nợ</i> (VND) |
|---------------------------|---|---------------|--------------------------------|--------------------------|---|---|--|-----------------------------|
| Số đầu năm và số cuối năm | 2014 | 3 năm | 559.067 | 100.000 | 5 | 6,3 | 1.931.977.742 | 55.685.663.962 |

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Nhóm Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 10 tháng 3 năm 2020, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 7 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2022. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

| | VND | | | | | | |
|------------------------------------|--------------------------|-------------------------|--|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư và phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
| Năm trước | | | | | | | |
| Số đầu năm | 886.470.620.000 | 464.371.374.500 | 1.931.977.742 | 88.627.640.000 | 3.430.602.730 | 694.098.332.409 | 2.138.930.547.381 |
| Phát hành cổ phiếu | 88.627.640.000 | - | - | (88.627.640.000) | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 286.059.912.889 | 286.059.912.889 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (2.228.420.413) | (2.228.420.413) |
| Số cuối năm | <u>975.098.260.000</u> | <u>464.371.374.500</u> | <u>1.931.977.742</u> | <u>-</u> | <u>3.430.602.730</u> | <u>977.929.824.885</u> | <u>2.422.762.039.857</u> |
| Năm nay | | | | | | | |
| Số đầu năm | 975.098.260.000 | 464.371.374.500 | 1.931.977.742 | - | 3.430.602.730 | 977.929.824.885 | 2.422.762.039.857 |
| Phát hành cổ phiếu (*) | 48.130.030.000 | - | - | - | - | - | 48.130.030.000 |
| Cổ tức công bố (**) | - | - | - | - | - | (194.915.890.000) | (194.915.890.000) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 1.209.808.221.380 | 1.209.808.221.380 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (33.866.039.898) | (33.866.039.898) |
| Số cuối năm | <u>1.023.228.290.000</u> | <u>464.371.374.500</u> | <u>1.931.977.742</u> | <u>-</u> | <u>3.430.602.730</u> | <u>1.958.956.116.367</u> | <u>3.451.918.361.339</u> |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 07/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thông qua việc phát hành 4.872.897 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cán bộ công nhân viên. Theo đó, đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã phát hành 4.813.003 cổ phiếu và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 975.098.260.000 VND lên 1.023.228.290.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 23 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2021/NQ-HĐQT-TDA ngày 7 tháng 1 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT-TDA ngày 30 tháng 3 năm 2021, cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 là 1.000 VND/cổ phiếu (tương ứng 10%/mệnh giá).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 23 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05A/2021/NQ-HĐQT-TDA ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 là 1.000 VND/cổ phiếu (tương ứng 10%/mệnh giá).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | VND | |
|---|--------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn cổ phần | | |
| Số đầu năm | 975.098.260.000 | 886.470.620.000 |
| Tăng trong năm | 48.130.030.000 | 88.627.640.000 |
| Số cuối năm | <u>1.023.228.290.000</u> | <u>975.098.260.000</u> |
| Cổ tức | | |
| Cổ tức đã công bố | 194.915.890.000 | - |
| Cổ tức đã trả bằng tiền | 168.087.660.000 | - |
| Cổ tức được chuyển thành khoản thanh toán tiền mua cổ phiếu phổ thông | 26.794.680.000 | - |

23.3 Cổ phiếu

| | Số cổ phiếu | |
|--|-------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 102.322.829 | 97.509.826 |
| Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 102.322.829 | 97.509.826 |
| Cổ phiếu quỹ (*) <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | (51.881) |
| Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 102.322.829 | 97.457.945 |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 07/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT-TDA ngày 31 tháng 5 năm 2021, cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án tái phát hành cổ phiếu quỹ để thưởng cho nhân viên Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | VND | |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu tổng | 25.301.792.525.112 | 12.437.878.102.516 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 22.152.627.988.286 | 11.832.406.417.446 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.847.909.249.979 | 428.502.713.274 |
| Doanh thu bán phế liệu | 284.879.102.448 | 159.155.255.876 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 16.376.184.399 | 17.813.715.920 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (40.045.823.010) | (76.922.638.092) |
| Chiết khấu thương mại | (20.415.988.363) | (19.535.164.058) |
| Hàng bán bị trả lại | (18.698.334.704) | (56.076.926.634) |
| Giảm giá hàng bán | (931.499.943) | (1.310.547.400) |

DOANH THU THUẦN

| | | |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | 25.261.746.702.102 | 12.360.955.464.424 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 22.112.582.165.276 | 11.755.483.779.354 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.847.909.249.979 | 428.502.713.274 |
| Doanh thu bán phế liệu | 284.879.102.448 | 159.155.255.876 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 16.376.184.399 | 17.813.715.920 |

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 194.290.356.024 | 44.610.827.968 |
| Lãi tiền gửi | 33.869.254.844 | 29.419.969.513 |
| Lãi trái phiếu | 18.791.862.465 | 8.697.642.660 |
| Lãi từ các khoản cho vay | 19.400.847.637 | 11.788.666.567 |
| Khác | 127.895.800 | 168.786.882 |
| TỔNG CỘNG | 266.480.216.770 | 94.685.893.590 |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | VND | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 19.583.122.761.303 | 10.917.870.929.733 |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 2.586.339.786.400 | 395.848.177.132 |
| Giá vốn phế liệu | 281.532.732.120 | 125.490.492.521 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 11.463.329.079 | 12.469.601.144 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho | 7.553.214.589 | (1.664.771.421) |
| TỔNG CỘNG | 22.470.011.823.491 | 11.450.014.429.109 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 205.600.480.772 | 258.566.193.716 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 52.247.337.883 | 12.389.851.381 |
| Khác | 455.137.758 | - |
| TỔNG CỘNG | 258.302.956.413 | 270.956.045.097 |

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | VND | |
|-----------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí vận chuyển | 979.918.161.683 | 164.582.269.224 |
| Chi phí quảng cáo | 81.446.248.632 | 35.346.117.812 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 79.724.250.922 | 6.917.465.728 |
| Chi phí nhân viên | 51.297.797.551 | 46.933.684.726 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 7.766.870.707 | 2.742.482.424 |
| Khác | 11.743.116.361 | 35.739.869.733 |
| TỔNG CỘNG | 1.211.896.445.856 | 292.261.889.647 |

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên | 48.909.127.307 | 47.519.032.939 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 37.187.362.973 | 27.610.001.089 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 10.593.861.442 | 20.539.432.543 |
| Dự phòng các khoản phải thu | 3.395.355.282 | - |
| Khác | 9.106.281.512 | 1.789.129.925 |
| TỔNG CỘNG | 109.191.988.516 | 97.457.596.496 |

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu | 20.181.629.809.809 | 9.614.190.140.252 |
| Giá vốn hàng hóa | 2.586.339.786.400 | 395.848.177.132 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.274.295.062.251 | 596.036.213.012 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14) | 342.406.247.684 | 336.421.429.526 |
| Chi phí nhân viên | 339.993.002.488 | 301.137.782.296 |
| Khác | 309.557.303.777 | 42.465.566.132 |
| TỔNG CỘNG | 25.034.221.212.409 | 11.286.099.308.350 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập khác | 31.127.132.696 | 11.899.721.445 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 19.721.569.943 | 774.471.203 |
| Thu nhập từ bán phế liệu | 8.212.733.807 | 6.052.714.137 |
| Khác | 3.192.828.946 | 5.072.536.105 |
| Chi phí khác | (6.454.829.353) | (9.263.545.599) |
| Tiền phạt thuế | (1.117.748.008) | (2.996.721.880) |
| Tiền bồi thường | (631.751.991) | (3.844.378.894) |
| Thanh lý tài sản cố định | - | (1.118.785.939) |
| Khác | (4.705.329.354) | (1.303.658.886) |
| LỢI NHUẬN KHÁC | 24.672.303.343 | 2.636.175.846 |

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

| | VND | |
|--|------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế TNDN | 294.185.206.251 | 40.682.988.490 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 1.976.053.891 | 21.348.037.297 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 296.161.260.142 | 62.031.025.787 |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | (2.473.473.583) | (503.365.165) |
| TỔNG CỘNG | 293.687.786.559 | 61.527.660.622 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|--|--------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.503.496.007.939 | 347.587.573.511 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 300.699.201.588 | 69.517.514.702 |
| <i>Điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 2.351.870.022 | 2.087.834.086 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 1.976.053.891 | 21.348.037.297 |
| Thuế TNDN liên quan đến chi phí lãi vay được kết chuyển theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP | (10.519.195.992) | (10.210.289.834) |
| Thuế TNDN được giảm | (2.213.625.431) | (21.914.988.471) |
| Chuyển lỗ | - | (1.842.804.058) |
| Khác | 1.393.482.481 | 2.542.356.900 |
| Chi phí thuế TNDN | 293.687.786.559 | 61.527.660.622 |

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

| | VND | | | |
|---------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|--|--------------------|
| | <i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i> | | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i> | |
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí phải trả | 9.304.100 | 124.188.506 | (114.884.406) | (2.043.469.198) |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 4.870.475.399 | 2.282.117.410 | 2.588.357.989 | 2.546.834.363 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 4.879.779.499 | 2.406.305.916 | | |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | | | 2.473.473.583 | 503.365.165 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.4 Chi phí lãi vay mang sang

Theo Nghị định Số 132/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành vào ngày 5 tháng 11 năm 2020, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ("Nghị định 132"), có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2020 cho kỳ quyết toán thuế TNDN năm 2020 trở đi. Theo đó chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132 được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định của Nghị định 132. Thời gian chuyển chi phí lãi vay trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

| VND | | | | | |
|---------------|-----------------------|-----------------|---|-------------------|---|
| Năm phát sinh | Có thể chuyển đến năm | Chi phí lãi vay | Đã chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 | Không được chuyển | Chưa chuyển tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 |
| 2019 | 2024 | 103.647.429.130 | (103.647.429.130) | - | - |

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND) | 1.209.808.221.380 | 286.059.912.889 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (33.866.039.898) |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty | 1.209.808.221.380 | 252.193.872.991 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) | 99.927.830 | 93.430.526 |
| Cổ tức sẽ được thanh toán bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDA | 19.985.566 | - |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh | 119.913.396 | 93.430.526 |
| Ảnh hưởng suy giảm | 2.552.818 | 2.552.818 |
| <i>Trái phiếu có thể chuyển đổi</i> | | |
| Số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm bình quân | 122.466.214 | 95.983.344 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 10.089 | 2.699 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 9.879 | 2.627 |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm nay.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|--------------------------|-----------------|--------------------|-----------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT | Vay | 259.821.000.000 | 61.861.764.384 |
| | | Trả nợ vay | 8.025.000.000 | 64.863.372.440 |
| | | Lãi vay | 1.149.254.334 | 1.703.043.349 |
| | | Thuê văn phòng | 7.500.000.000 | 7.200.000.000 |
| Bà Lê Thị Phương Loan | Thành viên HĐQT | Mua văn phòng | 91.280.000.000 | - |
| | | Vay | 23.600.000.000 | - |
| | | Trả nợ vay | - | 1.131.298.153 |
| | | Lãi vay | 1.120.405.479 | 55.029.946 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|--|-----------------|--------------------|-----------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15) | | | | |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT | Mua văn phòng | 9.128.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20) | | | | |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT | Vay | 237.096.000.000 | - |
| Vay dài hạn (Thuyết minh số 20) | | | | |
| Bà Lê Thị Phương Loan | Thành viên HĐQT | Vay | 23.600.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT | Vay | 14.700.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 38.300.000.000 | - |

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

| | VND | |
|------------------------|----------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lương, phụ cấp, thưởng | 12.061.145.164 | 9.845.393.481 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Ngoại tệ các loại | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 18.170.110 | 150.412 |
| Đô la Singapore (SGD) | 203 | 241 |

34. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất báo cáo việc phát hành này với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đang thực hiện các thủ tục pháp lý để đăng ký tăng vốn cổ phần.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDA ngày 13 tháng 1 năm 2022, cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 20% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông bằng cổ phiếu và 10% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông bằng tiền. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa có thông báo chính thức về ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


 Võ Công Danh
 Người lập


 Trần Lệ Xuân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thành Trung
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngày 22 tháng 3 năm 2022